

ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KÌ 2 - MÔN ANH												
STT	Họ và tên		Lớp	Phòng	SBD	Mã đề	Điểm	Tổng số câu	Số câu đúng	Số câu sai	Phạm quy	Không làm
1	Nguyễn Tuấn	Anh	12A 1	A1	120037	394	8.40	50	42.00	8.00	0.00	0.00
2	Lê Thị Vi	Anh	12A 1	A1	120039	394	6.20	50	31.00	19.00	0.00	0.00
3	Trần Đình	Cang	12A 1	A2	120063	256	7.60	50	38.00	12.00	0.00	0.00
4	Trần Minh	Đạt	12A 1	A3	120110	394	8.00	50	40.00	10.00	0.00	0.00
5	Đặng Quang	Đạt	12A 1	A3	120112	256	6.20	50	31.00	19.00	0.00	0.00
6	Trần Đình	Duy	12A 1	A3	120090	460	7.80	50	39.00	11.00	0.00	0.00
7	Phan Vũ	Duy	12A 1	A3	120094	460	8.20	50	41.00	9.00	0.00	0.00
8	Nguyễn Thị Khánh	Hà	12A 1	A4	120141	394	8.80	50	44.00	6.00	0.00	0.00
9	Nguyễn Lê Hoàng	Hảo	12A 1	A5	120163	148	7.60	50	38.00	12.00	0.00	0.00
10	Đỗ Minh	Hiếu	12A 1	A6	120204	460	7.60	50	38.00	12.00	0.00	0.00
11	Bùi Quốc	Huy	12A 1	A7	120241	256	6.20	50	31.00	19.00	0.00	0.00
12	Hồ Nhật	Kha	12A 1	A8	120281	148	4.00	50	20.00	30.00	0.00	0.00
13	Trần Châu Duy	Khang	12A 1	A8	120285	460	7.80	50	39.00	11.00	0.00	0.00
14	Đỗ Thị Minh	Khánh	12A 1	A8	120310	256	3.80	50	19.00	31.00	0.00	0.00
15	Phạm Trần Anh	Khôi	12A 1	A9	120333	256	6.40	50	32.00	18.00	0.00	0.00
16	Phan Vũ Anh	Khôi	12A 1	A9	120334	460	4.20	50	21.00	29.00	0.00	0.00
17	Nguyễn Hồng	Lạc	12A 1	A10	120350	148	7.40	50	37.00	13.00	0.00	0.00
18	Vũ Thị Thùy	Linh	12A 1	A10	120376	148	8.40	50	42.00	8.00	0.00	0.00
19	Tạ Hoàng Yến	Minh	12A 1	A11	120399	460	5.80	50	29.00	21.00	0.00	0.00
20	Trịnh Đình	Nam	12A 1	A11	120410	256	5.80	50	29.00	21.00	0.00	0.00
21	Huỳnh Thị Trúc	Ngân	12A 1	A12	120430	148	6.20	50	31.00	19.00	0.00	0.00
22	Nguyễn Thành	Nhân	12A 1	A13	120487	394	7.60	50	38.00	12.00	0.00	0.00
23	Lê Vương Nguyệt	Nhi	12A 1	A14	120500	148	8.80	50	44.00	6.00	0.00	0.00
24	Nguyễn Ngọc Ý	Như	12A 1	A14	120528	256	7.00	50	35.00	15.00	0.00	0.00
25	Trương Gia	Phong	12A 1	A14	120533	148	4.00	50	20.00	30.00	0.00	0.00
26	Nguyễn Thiên	Phú	12A 1	A15	120540	148	7.00	50	35.00	13.00	0.00	2.00
27	Vũ Lê Trung	Quân	12A 1	A16	120581	460	7.20	50	36.00	14.00	0.00	0.00
28	Nguyễn Trần Như	Quỳnh	12A 1	A16	120598	460	8.60	50	43.00	7.00	0.00	0.00
29	Nguyễn Trần Sơ	Ri	12A 1	A16	120605	256	7.80	50	39.00	11.00	0.00	0.00
30	Trần Xuân	Sang	12A 1	A16	120609	394	5.60	50	28.00	22.00	0.00	0.00
31	Trần Ngọc Diễm	Sương	12A 1	A16	120615	394	6.80	50	34.00	16.00	0.00	0.00
32	Tăng Hiếu	Thảo	12A 1	C2	120683	394	4.80	50	24.00	26.00	0.00	0.00
33	Nguyễn Minh	Thiên	12A 1	C3	120707	148	6.80	50	34.00	16.00	0.00	0.00
34	Đông Kim Diệu	Thiện	12A 1	C3	120712	148	7.20	50	36.00	14.00	0.00	0.00
35	Nguyễn Huỳnh Bảo	Thy	12A 1	C4	120775	148	4.80	50	24.00	26.00	0.00	0.00
36	Trần Ngọc Quỳnh	Tiên	12A 1	C1	120631	256	6.00	50	30.00	20.00	0.00	0.00
37	Nguyễn Thành	Tín	12A 1	C1	120640	256	7.40	50	37.00	13.00	0.00	0.00
38	Quảng Thị Thùy	Trang	12A 1	C5	120788	148	7.60	50	38.00	12.00	0.00	0.00
39	Nguyễn Minh	Trí	12A 1	C6	120823	460	7.40	50	37.00	13.00	0.00	0.00
40	Hồ Hải	Triều	12A 1	C6	120828	460	8.40	50	42.00	8.00	0.00	0.00
41	Nguyễn Chí	Trung	12A 1	C7	120852	460	8.00	50	40.00	10.00	0.00	0.00
42	Trần Lê	Vy	12A 1	C8	120922	256	8.40	50	42.00	8.00	0.00	0.00
43	Thái Đức Bảo	Vy	12A 1	C8	120907	148	7.80	50	39.00	11.00	0.00	0.00
44	Nguyễn Ngọc Như	Ý	12A 1	C9	120939	394	4.20	50	21.00	28.00	0.00	1.00
45	Đặng Trần Huyền	Châu	12A 2	A2	120066	256	6.20	50	31.00	19.00	0.00	0.00
46	Phạm Hải	Đăng	12A 2	A4	120119	460	9.40	50	47.00	3.00	0.00	0.00

STT	Họ và tên		Lớp	Phòng	SBD	Mã đề	Điểm	Tổng số câu	Số câu đúng	Số câu sai	Phạm quy	Không làm
47	Nguyễn Thành	Đạt	12A 2	A3	120116	256	5.20	50	26.00	24.00	0.00	0.00
48	Đỗ Thị Bích	Giang	12A 2	A4	120134	256	5.80	50	29.00	21.00	0.00	0.00
49	Nguyễn Ngọc	Hân	12A 2	A5	120183	394	7.20	50	36.00	14.00	0.00	0.00
50	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	12A 2	A5	120156	460	8.20	50	41.00	9.00	0.00	0.00
51	Đặng Thị Nhân	Hậu	12A 2	A6	120192	460	9.00	50	45.00	5.00	0.00	0.00
52	Đào Thị Duy	Hiếu	12A 2	A6	120203	148	8.60	50	43.00	7.00	0.00	0.00
53	Nguyễn Xuân	Hiếu	12A 2	A6	120210	460	5.40	50	27.00	23.00	0.00	0.00
54	Nguyễn Việt	Hoàng	12A 2	A6	120220	460	6.20	50	31.00	19.00	0.00	0.00
55	Nguyễn Đắc Khoa	Huân	12A 2	A6	120224	460	5.00	50	25.00	25.00	0.00	0.00
56	Lê	Huân	12A 2	A6	120225	148	6.80	50	34.00	16.00	0.00	0.00
57	Nguyễn Nhật	Hung	12A 2	A7	120262	460	8.60	50	43.00	7.00	0.00	0.00
58	Võ Hoàng	Khang	12A 2	A8	120289	394	5.60	50	28.00	22.00	0.00	0.00
59	Võ Huy	Khang	12A 2	A8	120290	394	6.60	50	33.00	17.00	0.00	0.00
60	Trần Tiến	Khanh	12A 2	A8	120304	394	6.20	50	31.00	19.00	0.00	0.00
61	Phạm Nhật	Khánh	12A 2	A9	120315	256	7.60	50	38.00	12.00	0.00	0.00
62	Phạm Đăng	Khoa	12A 2	A9	120323	394	5.80	50	29.00	21.00	0.00	0.00
63	Nguyễn Thị Ngọc	Kiều	12A 2	A8	120275	148	7.20	50	36.00	14.00	0.00	0.00
64	Vũ Thị Khánh	Linh	12A 2	A10	120371	256	8.80	50	44.00	6.00	0.00	0.00
65	Nguyễn Bảo	Long	12A 2	A10	120382	148	8.40	50	42.00	8.00	0.00	0.00
66	Võ Bạch Quang	Minh	12A 2	A11	120394	148	6.20	50	31.00	19.00	0.00	0.00
67	Trần Phương	Nghi	12A 2	A12	120436	460	6.60	50	33.00	17.00	0.00	0.00
68	Lê Thùy Bích	Ngọc	12A 2	A12	120446	460	6.80	50	34.00	16.00	0.00	0.00
69	Chế Thị Thanh	Nguyên	12A 2	A13	120473	394	7.00	50	35.00	15.00	0.00	0.00
70	Phan Nguyễn Bảo	Phúc	12A 2	A15	120544	460	8.80	50	44.00	6.00	0.00	0.00
71	Phan Nguyễn Hoàng	Quân	12A 2	A15	120575	394	8.00	50	40.00	10.00	0.00	0.00
72	Đinh Nguyễn Bảo	Thạch	12A 2	C2	120669	148	3.60	50	18.00	32.00	0.00	0.00
73	Nguyễn Huy	Thanh	12A 2	C2	120673	148	3.60	50	18.00	32.00	0.00	0.00
74	Tạ Ngọc Thanh	Thảo	12A 2	C2	120688	394	7.00	50	35.00	15.00	0.00	0.00
75	Nguyễn Thị Minh	Thi	12A 2	C3	120705	148	9.00	50	45.00	5.00	0.00	0.00
76	Nguyễn Ngọc Hoài	Thương	12A 2	C4	120770	148	7.00	50	35.00	15.00	0.00	0.00
77	Phạm Thị Thanh	Thúy	12A 2	C4	120746	148	6.00	50	30.00	20.00	0.00	0.00
78	Trương Thị Ngọc	Trâm	12A 2	C5	120806	256	6.20	50	31.00	19.00	0.00	0.00
79	Nguyễn Mai	Trâm	12A 2	C5	120803	394	6.80	50	34.00	16.00	0.00	0.00
80	Võ Thị Huyền	Trâm	12A 2	C5	120802	256	9.40	50	47.00	3.00	0.00	0.00
81	Nguyễn Minh	Triết	12A 2	C6	120826	148	8.20	50	41.00	9.00	0.00	0.00
82	Đặng Minh	Triết	12A 2	C6	120825	148	8.20	50	41.00	9.00	0.00	0.00
83	Bùi Nguyễn Quốc	Trọng	12A 2	C6	120844	256	9.20	50	46.00	4.00	0.00	0.00
84	Hà Trương Anh	Tú	12A 2	C1	120645	256	6.80	50	34.00	16.00	0.00	0.00
85	Lê Thanh	Vũ	12A 2	C8	120902	148	5.20	50	26.00	24.00	0.00	0.00
86	Võ Ngọc Như	Ý	12A 2	C9	120940	256	9.00	50	45.00	5.00	0.00	0.00
87	Phan Ngô Quốc	An	12A 3	A1	120009	460	5.40	50	27.00	23.00	0.00	0.00
88	Đào Lê Phúc	Ân	12A 3	A2	120044	460	6.60	50	33.00	17.00	0.00	0.00
89	Huỳnh Ngô Bảo	Châu	12A 3	A2	120064	394	7.60	50	38.00	12.00	0.00	0.00
90	Lê Tấn	Đạt	12A 3	A3	120114	394	7.60	50	38.00	12.00	0.00	0.00
91	Trần Minh	Hậu	12A 3	A5	120190	394	6.40	50	32.00	18.00	0.00	0.00
92	Nguyễn Đỗ Nhật	Huy	12A 3	A7	120238	394	7.40	50	37.00	12.00	0.00	1.00
93	Trần Đăng	Khoa	12A 3	A9	120324	460	7.80	50	39.00	11.00	0.00	0.00

STT	Họ và tên		Lớp	Phòng	SBD	Mã đề	Điểm	Tổng số câu	Số câu đúng	Số câu sai	Phạm quy	Không làm
94	Đinh Quốc	Khôi	12A 3	A10	120346	394	5.80	50	29.00	21.00	0.00	0.00
95	Trần Anh	Khôi	12A 3	A9	120335	394	6.00	50	30.00	20.00	0.00	0.00
96	Nguyễn Hoàn	Kim	12A 3	A8	120278	460	8.40	50	42.00	8.00	0.00	0.00
97	Ngô Hoàng Anh	Linh	12A 3	A10	120362	394	5.80	50	29.00	21.00	0.00	0.00
98	Nguyễn Hoài Bảo	Minh	12A 3	A11	120390	460	7.20	50	36.00	14.00	0.00	0.00
99	Mai Thị Tuyết	Nga	12A 3	A11	120413	394	6.40	50	32.00	18.00	0.00	0.00
100	Phạm Phương	Nghi	12A 3	A12	120437	148	7.80	50	39.00	11.00	0.00	0.00
101	Nguyễn Đặng Trinh	Nguyên	12A 3	A13	120478	256	6.40	50	32.00	18.00	0.00	0.00
102	Nguyễn Phạm Song	Nguyên	12A 3	A13	120471	256	7.60	50	38.00	12.00	0.00	0.00
103	Võ Hiền	Nhi	12A 3	A13	120493	394	7.60	50	38.00	12.00	0.00	0.00
104	Nguyễn Thụy Ngọc	Nhi	12A 3	A14	120498	460	8.40	50	42.00	8.00	0.00	0.00
105	Thái Ý	Nhi	12A 3	A14	120504	460	3.80	50	19.00	31.00	0.00	0.00
106	Nguyễn Thùy	Như	12A 3	A14	120527	148	5.40	50	27.00	23.00	0.00	0.00
107	Huỳnh Bá	Phước	12A 3	A15	120555	460	4.40	50	22.00	28.00	0.00	0.00
108	Trần Thanh	Quân	12A 3	A16	120580	148	8.60	50	43.00	7.00	0.00	0.00
109	Hồ Xuân	Quỳnh	12A 3	A16	120603	394	5.20	50	26.00	24.00	0.00	0.00
110	Nguyễn Tấn	Sang	12A 3	A16	120607	256	6.40	50	32.00	18.00	0.00	0.00
111	Vũ Hoàng	Son	12A 3	A16	120612	256	8.00	50	40.00	10.00	0.00	0.00
112	Nguyễn Huyền Thanh	Tâm	12A 3	C1	120621	460	4.60	50	23.00	27.00	0.00	0.00
113	Hồ Công	Thắng	12A 3	C2	120696	394	7.40	50	37.00	13.00	0.00	0.00
114	Trần Quốc	Thành	12A 3	C2	120679	148	5.20	50	26.00	24.00	0.00	0.00
115	Lê Thanh	Thảo	12A 3	C2	120689	394	5.60	50	28.00	22.00	0.00	0.00
116	Lê Nguyễn Xuân	Thịnh	12A 3	C3	120729	256	8.60	50	43.00	7.00	0.00	0.00
117	Lâm Minh	Thư	12A 3	C4	120757	394	5.80	50	29.00	21.00	0.00	0.00
118	Võ Huỳnh Lộc	Thuận	12A 3	C3	120735	256	7.00	50	35.00	15.00	0.00	0.00
119	Đỗ Lê Thông	Thuật	12A 3	C3	120738	394	8.00	50	40.00	10.00	0.00	0.00
120	Trần Nguyễn Thanh	Thủy	12A 3	C4	120743	460	5.20	50	26.00	24.00	0.00	0.00
121	Võ Huỳnh Hoàng	Trân	12A 3	C5	120816	394	7.00	50	35.00	15.00	0.00	0.00
122	Nguyễn Đình Quế	Trân	12A 3	C6	120821	148	5.60	50	28.00	22.00	0.00	0.00
123	Võ Hoàng Quế	Trân	12A 3	C6	120822	148	6.60	50	33.00	17.00	0.00	0.00
124	Lê Thị Thùy	Trang	12A 3	C5	120790	460	2.40	50	12.00	38.00	0.00	0.00
125	Phan Thùy	Trang	12A 3	C5	120789	460	9.40	50	47.00	3.00	0.00	0.00
126	Mai Thị Thanh	Trúc	12A 3	C6	120848	394	8.80	50	44.00	6.00	0.00	0.00
127	Nguyễn Huỳnh Kiều	Vi	12A 3	C8	120891	460	3.00	50	15.00	35.00	0.00	0.00
128	Trần Anh	Vũ	12A 3	C8	120898	148	7.40	50	37.00	13.00	0.00	0.00
129	Phan Hoài	An	12A 4	A1	120004	460	8.20	50	41.00	9.00	0.00	0.00
130	Lê Ngô Minh	Anh	12A 4	A1	120024	394	7.00	50	35.00	15.00	0.00	0.00
131	Nguyễn Việt	Bách	12A 4	A2	120045	256	6.80	50	34.00	16.00	0.00	0.00
132	Nguyễn Thành	Danh	12A 4	A2	120073	460	8.60	50	43.00	7.00	0.00	0.00
133	Phạm Quốc	Đạt	12A 4	A3	120113	256	4.40	50	22.00	28.00	0.00	0.00
134	Trần Nguyên Huyền	Diệu	12A 4	A3	120079	148	5.40	50	27.00	23.00	0.00	0.00
135	Võ Minh	Đức	12A 4	A4	120130	148	5.60	50	28.00	22.00	0.00	0.00
136	Nguyễn Thị Kim	Hiền	12A 4	A6	120202	256	5.80	50	29.00	21.00	0.00	0.00
137	Nguyễn Xuân	Hoài	12A 4	A6	120219	394	8.60	50	43.00	7.00	0.00	0.00
138	Nguyễn Thị Thanh	Hồng	12A 4	A6	120222	256	7.40	50	37.00	13.00	0.00	0.00
139	Phạm Viết	Huy	12A 4	A7	120249	148	6.80	50	34.00	16.00	0.00	0.00
140	Nguyễn Thị Ngọc	Huỳnh	12A 4	A7	120257	148	8.60	50	43.00	7.00	0.00	0.00

STT	Họ và tên		Lớp	Phòng	SBD	Mã đề	Điểm	Tổng số câu	Số câu đúng	Số câu sai	Phạm quy	Không làm
141	Nguyễn Gia	Khang	12A 4	A8	120287	148	7.60	50	38.00	12.00	0.00	0.00
142	Nguyễn Hoài Phương	Khanh	12A 4	A8	120302	256	6.00	50	30.00	20.00	0.00	0.00
143	Huỳnh Nguyên	Khánh	12A 4	A9	120313	394	6.80	50	34.00	16.00	0.00	0.00
144	Lê Anh	Khôi	12A 4	A9	120336	148	7.80	50	39.00	11.00	0.00	0.00
145	Lê Nguyễn Trung	Kiên	12A 4	A8	120272	460	8.20	50	41.00	9.00	0.00	0.00
146	Đặng Nhật Khánh	Linh	12A 4	A10	120372	460	8.20	50	41.00	9.00	0.00	0.00
147	Huỳnh Châu Khánh	Ngọc	12A 4	A12	120450	256	9.20	50	46.00	4.00	0.00	0.00
148	Lê Võ Khánh	Ngọc	12A 4	A12	120451	256	6.60	50	33.00	17.00	0.00	0.00
149	Nguyễn Thị Yến	Nhi	12A 4	A14	120506	256	7.80	50	39.00	11.00	0.00	0.00
150	Nguyễn Thanh	Như	12A 4	A14	120526	394	5.00	50	25.00	25.00	0.00	0.00
151	Nguyễn Lâm Bảo	Như	12A 4	A14	120516	256	7.00	50	35.00	15.00	0.00	0.00
152	Huỳnh Hoàng	Phúc	12A 4	A15	120547	148	4.80	50	24.00	26.00	0.00	0.00
153	Nguyễn Hoàng	Phúc	12A 4	A15	120548	148	6.20	50	31.00	19.00	0.00	0.00
154	Võ Thị Thu	Phương	12A 4	A15	120567	256	7.20	50	36.00	14.00	0.00	0.00
155	Hồ Thị Tuyết	Phương	12A 4	A15	120566	256	8.60	50	43.00	7.00	0.00	0.00
156	Trương Nguyễn Việt	Quang	12A 4	A15	120571	256	5.00	50	25.00	25.00	0.00	0.00
157	Ngô Văn	Quyền	12A 4	A16	120592	460	9.40	50	47.00	3.00	0.00	0.00
158	Lê Văn	Thanh	12A 4	C2	120676	460	4.60	50	23.00	27.00	0.00	0.00
159	Nguyễn Ngọc	Thành	12A 4	C2	120677	460	4.40	50	22.00	27.00	0.00	1.00
160	Nguyễn Hữu	Thiện	12A 4	C3	120713	460	9.00	50	45.00	5.00	0.00	0.00
161	Nguyễn Ngọc	Thịnh	12A 4	C3	120723	256	6.00	50	30.00	20.00	0.00	0.00
162	Nguyễn Thị Mai	Thơ	12A 4	C3	120731	394	6.60	50	33.00	17.00	0.00	0.00
163	Nguyễn Khánh	Tiên	12A 4	C1	120629	394	7.80	50	39.00	11.00	0.00	0.00
164	Nguyễn Thị Hương	Trà	12A 4	C5	120780	148	7.60	50	38.00	12.00	0.00	0.00
165	Lê Trần Thùy	Trang	12A 4	C5	120791	148	7.80	50	39.00	11.00	0.00	0.00
166	Nguyễn Thùy	Trang	12A 4	C5	120787	148	6.40	50	32.00	18.00	0.00	0.00
167	Trần Nguyễn Thanh	Trúc	12A 4	C6	120849	394	4.20	50	21.00	28.00	0.00	1.00
168	Nguyễn Ngọc Anh	Tú	12A 4	C1	120646	394	7.80	50	39.00	11.00	0.00	0.00
169	Nguyễn Trần Khánh	Uy	12A 4	C7	120864	460	5.40	50	27.00	23.00	0.00	0.00
170	Bạch Thiên	Vũ	12A 4	C8	120903	148	9.20	50	46.00	4.00	0.00	0.00
171	Nguyễn Trương Bích	Vy	12A 4	C8	120910	394	7.40	50	37.00	13.00	0.00	0.00
172	Bùi Ngọc Phương	Anh	12A 5	A1	120029	394	9.00	50	45.00	5.00	0.00	0.00
173	Nguyễn Phúc	Ánh	12A 5	A1	120042	256	5.60	50	28.00	22.00	0.00	0.00
174	Hoàng Trung	Chính	12A 5	A2	120070	256	5.00	50	25.00	25.00	0.00	0.00
175	Nguyễn Hải	Đặng	12A 5	A4	120120	460	5.60	50	28.00	22.00	0.00	0.00
176	Lê Thành	Đạt	12A 5	A4	120117	148	5.20	50	26.00	23.00	0.00	1.00
177	Văn Tấn	Dũng	12A 5	A3	120088	460	7.40	50	37.00	11.00	0.00	2.00
178	Trần Thị Khánh	Duyên	12A 5	A3	120097	460	5.60	50	28.00	22.00	0.00	0.00
179	Phạm Thị Quỳnh	Giao	12A 5	A4	120137	394	5.40	50	27.00	22.00	0.00	1.00
180	Thái Trần Gia	Hân	12A 5	A5	120172	394	4.20	50	21.00	29.00	0.00	0.00
181	Phạm Thị Thanh	Hoa	12A 5	A6	120213	256	5.80	50	29.00	21.00	0.00	0.00
182	Lê Ngọc Quỳnh	Hương	12A 5	A7	120266	148	6.80	50	34.00	16.00	0.00	0.00
183	Võ Triều	Huy	12A 5	A7	120248	394	5.40	50	27.00	23.00	0.00	0.00
184	Trương Công Lâm	Huy	12A 5	A7	120236	256	5.00	50	25.00	25.00	0.00	0.00
185	Lê Vy	Khanh	12A 5	A8	120305	394	7.00	50	35.00	15.00	0.00	0.00
186	Phạm Lê Quốc	Khánh	12A 5	A9	120318	460	4.80	50	24.00	24.00	0.00	2.00
187	Nguyễn	Khánh	12A 5	A9	120314	460	9.00	50	45.00	5.00	0.00	0.00

STT	Họ và tên		Lớp	Phòng	SBD	Mã đề	Điểm	Tổng số câu	Số câu đúng	Số câu sai	Phạm quy	Không làm
188	Hồ Minh	Khoa	12A 5	A9	120329	256	7.00	50	35.00	15.00	0.00	0.00
189	Nguyễn Hoàng Bảo	Khuyên	12A 5	A10	120348	256	6.60	50	33.00	17.00	0.00	0.00
190	Nguyễn Tuấn	Kiệt	12A 5	A8	120273	460	5.40	50	27.00	22.00	0.00	1.00
191	Huỳnh Ánh	Linh	12A 5	A10	120363	256	9.00	50	45.00	5.00	0.00	0.00
192	Hoàng Văn	Minh	12A 5	A11	120396	460	3.60	50	18.00	32.00	0.00	0.00
193	Hoàng Thị Hoa	Mỹ	12A 5	A11	120407	394	4.80	50	24.00	26.00	0.00	0.00
194	Phạm Nguyễn Huy	Nam	12A 5	A11	120411	256	6.40	50	32.00	18.00	0.00	0.00
195	Nguyễn Đồng Minh	Ngân	12A 5	A11	120421	256	8.80	50	44.00	6.00	0.00	0.00
196	Nguyễn Hoàng Anh	Nguyên	12A 5	A13	120462	148	5.20	50	26.00	24.00	0.00	0.00
197	Trần Nguyễn Quỳnh	Nhi	12A 5	A14	120501	394	6.60	50	33.00	16.00	0.00	1.00
198	Nguyễn Tấn	Sang	12A 5	A16	120608	394	7.40	50	37.00	13.00	0.00	0.00
199	Trương Tấn	Thành	12A 5	C2	120680	256	4.40	50	22.00	28.00	0.00	0.00
200	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	12A 5	C2	120685	256	6.80	50	34.00	16.00	0.00	0.00
201	Thái Hữu	Thiện	12A 5	C3	120714	460	5.80	50	29.00	21.00	0.00	0.00
202	Nguyễn Minh	Thư	12A 5	C4	120758	256	6.60	50	33.00	17.00	0.00	0.00
203	Đỗ Đình	Thuận	12A 5	C3	120734	256	6.40	50	32.00	18.00	0.00	0.00
204	Trần Thị Thanh	Thương	12A 5	C4	120772	256	5.40	50	27.00	23.00	0.00	0.00
205	Trần Thị Thanh	Thùy	12A 5	C4	120740	256	7.00	50	35.00	15.00	0.00	0.00
206	Nguyễn Thị Thanh	Trà	12A 5	C5	120781	148	8.00	50	40.00	10.00	0.00	0.00
207	Thái Ngô Thanh	Trúc	12A 5	C6	120850	256	4.80	50	24.00	26.00	0.00	0.00
208	Hồ Nhật	Trường	12A 5	C7	120859	460	4.20	50	21.00	29.00	0.00	0.00
209	Nguyễn Thị Ngọc	Tú	12A 5	C1	120648	460	7.40	50	37.00	13.00	0.00	0.00
210	Trương Thanh	Văn	12A 5	C7	120885	256	5.40	50	27.00	23.00	0.00	0.00
211	Dương Huỳnh Anh	Vũ	12A 5	C8	120899	460	5.60	50	28.00	22.00	0.00	0.00
212	Châu Tường	Vy	12A 5	C8	120925	256	8.40	50	42.00	8.00	0.00	0.00
213	Nguyễn Đăng Hà	Yên	12A 5	C9	120949	460	6.20	50	31.00	19.00	0.00	0.00
214	Cao Lan	Anh	12A 6	A1	120021	148	8.40	50	42.00	8.00	0.00	0.00
215	Lê Thị Kiều	Bảo	12A 6	A2	120050	148	7.00	50	35.00	15.00	0.00	0.00
216	Hà Bảo	Bảo	12A 6	A2	120047	394	6.40	50	32.00	18.00	0.00	0.00
217	Trần Vi Linh	Đan	12A 6	A3	120105	394	7.80	50	39.00	11.00	0.00	0.00
218	Nguyễn Huỳnh Thùy	Duyên	12A 6	A3	120100	148	5.40	50	27.00	23.00	0.00	0.00
219	Trần Thuý Ngọc	Hà	12A 6	A4	120146	256	5.00	50	25.00	25.00	0.00	0.00
220	Huỳnh Bảo	Hân	12A 6	A5	120168	256	9.00	50	45.00	5.00	0.00	0.00
221	Lê Thị Bích	Hạnh	12A 6	A5	120155	460	4.80	50	24.00	26.00	0.00	0.00
222	Đặng Minh	Hiếu	12A 6	A6	120205	394	6.80	50	34.00	16.00	0.00	0.00
223	Vũ Đào Diễm	Hương	12A 6	A7	120265	148	4.00	50	20.00	30.00	0.00	0.00
224	Lại Nhật	Huy	12A 6	A7	120239	394	6.00	50	30.00	20.00	0.00	0.00
225	Võ Trần Bảo	Khang	12A 6	A8	120283	148	6.40	50	32.00	18.00	0.00	0.00
226	Phan Đăng	Khoa	12A 6	A9	120325	256	3.80	50	19.00	31.00	0.00	0.00
227	Phan Anh	Khôi	12A 6	A9	120337	256	5.00	50	25.00	25.00	0.00	0.00
228	Trần Anh	Kỳ	12A 6	A8	120280	460	2.80	50	14.00	36.00	0.00	0.00
229	Đặng Phương	Loan	12A 6	A10	120380	460	6.80	50	34.00	16.00	0.00	0.00
230	Đỗ Kim Phương	My	12A 6	A11	120402	256	8.20	50	41.00	9.00	0.00	0.00
231	Lê Thanh	Ngọc	12A 6	A12	120457	394	7.20	50	36.00	14.00	0.00	0.00
232	Nguyễn Cao	Nguyên	12A 6	A13	120463	256	9.20	50	46.00	4.00	0.00	0.00
233	Đoàn Mỹ	Nhân	12A 6	A13	120486	148	6.20	50	31.00	19.00	0.00	0.00
234	Trịnh Yến	Nhi	12A 6	A14	120507	148	6.00	50	30.00	20.00	0.00	0.00

STT	Họ và tên		Lớp	Phòng	SBD	Mã đề	Điểm	Tổng số câu	Số câu đúng	Số câu sai	Phạm quy	Không làm
235	Phan Thùy Yên	Như	12A 6	A14	120530	394	9.20	50	46.00	4.00	0.00	0.00
236	Đỗ Thị Quỳnh	Như	12A 6	A14	120521	148	3.40	50	17.00	33.00	0.00	0.00
237	Hồ Quốc	Phong	12A 6	A14	120535	256	6.60	50	33.00	17.00	0.00	0.00
238	Tạ Dương Minh	Quân	12A 6	A16	120576	460	2.20	50	11.00	39.00	0.00	0.00
239	Nguyễn Như	Quỳnh	12A 6	A16	120599	256	6.60	50	33.00	17.00	0.00	0.00
240	Nguyễn Thanh	Tâm	12A 6	C1	120622	148	2.80	50	14.00	36.00	0.00	0.00
241	Lê Hồ Thiên	Thảo	12A 6	C2	120695	394	5.60	50	28.00	22.00	0.00	0.00
242	Nguyễn Ngọc	Thiện	12A 6	C3	120716	148	5.20	50	26.00	24.00	0.00	0.00
243	Trương Ngọc	Thiện	12A 6	C3	120715	148	5.20	50	26.00	24.00	0.00	0.00
244	Đặng Ngọc	Thuần	12A 6	C3	120733	394	7.40	50	37.00	13.00	0.00	0.00
245	Trần Thị Thanh	Thủy	12A 6	C4	120744	256	8.80	50	44.00	6.00	0.00	0.00
246	Phạm Thanh	Tiến	12A 6	C1	120636	256	6.60	50	33.00	17.00	0.00	0.00
247	Hồ Bảo	Trình	12A 6	C6	120830	148	9.00	50	45.00	5.00	0.00	0.00
248	Nguyễn Tuấn	Tú	12A 6	C1	120649	148	5.00	50	25.00	25.00	0.00	0.00
249	Võ Đặng Thanh	Tùng	12A 6	C2	120657	148	5.60	50	28.00	22.00	0.00	0.00
250	Nguyễn Thanh	Uyên	12A 6	C7	120881	394	5.60	50	28.00	22.00	0.00	0.00
251	Nguyễn Quốc	Vương	12A 6	C8	120906	148	7.00	50	35.00	15.00	0.00	0.00
252	Trương Hạ	Vy	12A 6	C8	120915	256	4.40	50	22.00	23.00	0.00	5.00
253	Lê Trần Khánh	Vy	12A 6	C8	120917	394	8.20	50	41.00	9.00	0.00	0.00
254	Trần Nhật	Anh	12A 7	A1	120027	256	7.60	50	38.00	12.00	0.00	0.00
255	Dương Phước	Bảo	12A 7	A2	120054	148	8.80	50	44.00	6.00	0.00	0.00
256	Nguyễn Hồng Ngọc	Bích	12A 7	A2	120057	460	4.20	50	21.00	29.00	0.00	0.00
257	Mạch Hải	Đặng	12A 7	A4	120121	148	6.80	50	34.00	16.00	0.00	0.00
258	Nguyễn Thị Ngọc	Đoan	12A 7	A4	120129	148	2.80	50	14.00	36.00	0.00	0.00
259	Đinh Phan Quốc	Doanh	12A 7	A3	120082	148	4.80	50	24.00	26.00	0.00	0.00
260	Phạm Ngọc	Giàu	12A 7	A4	120138	256	4.60	50	23.00	27.00	0.00	0.00
261	Nguyễn Thị Thanh	Hà	12A 7	A4	120148	394	5.20	50	26.00	24.00	0.00	0.00
262	Lê Ngọc Thanh	Hà	12A 7	A4	120147	256	8.80	50	44.00	6.00	0.00	0.00
263	Đoàn Ngọc	Hân	12A 7	A5	120184	256	4.80	50	24.00	26.00	0.00	0.00
264	Nguyễn Hà Gia	Hân	12A 7	A5	120173	256	6.80	50	34.00	16.00	0.00	0.00
265	Trần Bảo	Hân	12A 7	A5	120169	256	6.20	50	31.00	18.00	0.00	1.00
266	Nguyễn Thanh	Hiệu	12A 7	A6	120211	394	5.80	50	29.00	21.00	0.00	0.00
267	Đoàn Thị Bích	Hòa	12A 7	A6	120214	148	5.00	50	25.00	25.00	0.00	0.00
268	Trương Việt	Khang	12A 7	A8	120298	394	9.40	50	47.00	3.00	0.00	0.00
269	Bùi Nhật Phương	Khánh	12A 7	A9	120317	394	7.20	50	36.00	14.00	0.00	0.00
270	Hoàng Minh	Khoa	12A 7	A9	120330	460	5.40	50	27.00	23.00	0.00	0.00
271	Đỗ Anh	Khoa	12A 7	A9	120322	148	4.80	50	24.00	26.00	0.00	0.00
272	Lê Đình	Khôi	12A 7	A10	120342	256	7.40	50	37.00	13.00	0.00	0.00
273	Hoàng Ngọc Khánh	Linh	12A 7	A10	120373	394	5.80	50	29.00	21.00	0.00	0.00
274	Nguyễn Tuấn	Minh	12A 7	A11	120395	460	4.20	50	21.00	29.00	0.00	0.00
275	Nguyễn Thị Kiều	My	12A 7	A11	120401	394	5.60	50	28.00	22.00	0.00	0.00
276	Trần Gia	Nghi	12A 7	A12	120434	460	3.40	50	17.00	33.00	0.00	0.00
277	Diệp Trí	Nghĩa	12A 7	A12	120442	460	6.00	50	30.00	20.00	0.00	0.00
278	Nguyễn Ngân	Nhi	12A 7	A13	120497	394	6.40	50	32.00	18.00	0.00	0.00
279	Hoàng Thanh	Phong	12A 7	A14	120536	460	5.40	50	27.00	23.00	0.00	0.00
280	Nguyễn Lê Hồng	Phúc	12A 7	A15	120550	460	7.20	50	36.00	14.00	0.00	0.00
281	Võ Minh	Phước	12A 7	A15	120558	256	6.00	50	30.00	20.00	0.00	0.00

STT	Họ và tên		Lớp	Phòng	SBD	Mã đề	Điểm	Tổng số câu	Số câu đúng	Số câu sai	Phạm quy	Không làm
282	Nguyễn Anh	Quân	12A 7	A15	120572	256	3.80	50	19.00	31.00	0.00	0.00
283	Phan Thanh	Quyền	12A 7	A16	120590	460	6.20	50	31.00	19.00	0.00	0.00
284	Nguyễn Hữu	Tài	12A 7	A16	120617	256	7.20	50	36.00	14.00	0.00	0.00
285	Huỳnh Văn	Thâu	12A 7	C3	120699	460	4.00	50	20.00	30.00	0.00	0.00
286	Ngô Văn	Thịnh	12A 7	C3	120728	394	5.80	50	29.00	21.00	0.00	0.00
287	Nguyễn Ngọc Thanh	Thư	12A 7	C4	120766	460	8.00	50	40.00	10.00	0.00	0.00
288	Trần Thị Thanh	Thư	12A 7	C4	120765	256	6.00	50	30.00	20.00	0.00	0.00
289	Đỗ Nguyễn Anh	Tiên	12A 7	C1	120624	256	4.80	50	24.00	26.00	0.00	0.00
290	Đỗ Linh Bảo	Trân	12A 7	C5	120813	394	7.00	50	35.00	15.00	0.00	0.00
291	Nguyễn Thị Mỹ	Trinh	12A 7	C6	120834	394	3.60	50	18.00	32.00	0.00	0.00
292	Đình Gia	Uy	12A 7	C7	120863	148	5.60	50	28.00	21.00	0.00	1.00
293	Ngô Thanh	Uyên	12A 7	C7	120882	256	6.40	50	32.00	18.00	0.00	0.00
294	Nguyễn Phúc	Vương	12A 7	C8	120905	460	8.40	50	42.00	8.00	0.00	0.00
295	Lê Huỳnh Trúc	Vy	12A 7	C8	120933	256	8.20	50	41.00	9.00	0.00	0.00
296	Nguyễn Thị Ngọc	Vy	12A 7	C8	120924	394	5.00	50	25.00	25.00	0.00	0.00
297	Nguyễn Hoàng Như	Ý	12A 7	C9	120941	148	7.40	50	37.00	11.00	0.00	2.00
298	Nguyễn Huỳnh Như	Anh	12A 8	A1	120028	256	6.00	50	30.00	20.00	0.00	0.00
299	Nguyễn Hoàng Gia	Bảo	12A 8	A2	120048	460	6.80	50	34.00	16.00	0.00	0.00
300	Thổ Huỳnh	Chi	12A 8	A2	120068	394	4.20	50	21.00	29.00	0.00	0.00
301	Lê Minh	Đức	12A 8	A4	120131	460	3.80	50	19.00	31.00	0.00	0.00
302	Nguyễn Khắc	Duy	12A 8	A3	120092	148	7.60	50	38.00	12.00	0.00	0.00
303	Trần Ngọc	Hóa	12A 8	A6	120217	148	8.40	50	42.00	8.00	0.00	0.00
304	Trần Thị Thanh	Hoài	12A 8	A6	120218	256	3.00	50	15.00	35.00	0.00	0.00
305	Phạm Đăng	Huy	12A 8	A6	120227	394	4.00	50	20.00	30.00	0.00	0.00
306	Trần Thiện Tấn	Khang	12A 8	A8	120296	256	3.60	50	18.00	32.00	0.00	0.00
307	Châu Trần Minh	Khoa	12A 8	A9	120331	394	9.40	50	47.00	3.00	0.00	0.00
308	Hà Trần Đăng	Khoa	12A 8	A9	120326	394	6.00	50	30.00	20.00	0.00	0.00
309	Nguyễn Nhật Bảo	Kim	12A 8	A8	120277	148	3.20	50	16.00	34.00	0.00	0.00
310	Hà Tấn	Lâm	12A 8	A10	120357	256	5.40	50	27.00	23.00	0.00	0.00
311	Phùng Lê Kha	Ly	12A 8	A11	120387	460	7.00	50	35.00	15.00	0.00	0.00
312	Đặng Yên Bảo	Ngân	12A 8	A11	120415	256	8.40	50	42.00	8.00	0.00	0.00
313	Trương Xuân	Nghi	12A 8	A12	120440	394	7.40	50	37.00	13.00	0.00	0.00
314	Trần Lê Thanh	Ngọc	12A 8	A12	120458	256	4.80	50	24.00	26.00	0.00	0.00
315	Nguyễn Lâm Tuyết	Ngọc	12A 8	A12	120456	394	7.60	50	38.00	12.00	0.00	0.00
316	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	12A 8	A13	120474	148	4.00	50	20.00	30.00	0.00	0.00
317	Nguyễn Lê Hoài	Phúc	12A 8	A15	120546	460	5.60	50	28.00	22.00	0.00	0.00
318	Võ Hữu Minh	Quân	12A 8	A16	120577	148	4.20	50	21.00	29.00	0.00	0.00
319	Đoàn Diễm	Quỳnh	12A 8	A16	120593	148	4.40	50	22.00	28.00	0.00	0.00
320	Đoàn Trung	Tài	12A 8	C1	120618	148	6.80	50	34.00	16.00	0.00	0.00
321	Nguyễn Minh	Tánh	12A 8	C1	120619	460	4.60	50	23.00	27.00	0.00	0.00
322	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	12A 8	C2	120690	256	5.00	50	25.00	25.00	0.00	0.00
323	Nguyễn Đồng Thanh	Thiên	12A 8	C3	120710	460	7.00	50	35.00	15.00	0.00	0.00
324	Trần Nhiêu	Thủy	12A 8	C4	120742	394	6.60	50	33.00	17.00	0.00	0.00
325	Nguyễn Kiều Đình	Tiến	12A 8	C1	120635	394	6.00	50	30.00	20.00	0.00	0.00
326	Hoàng Đức	Tín	12A 8	C1	120639	394	6.80	50	34.00	16.00	0.00	0.00
327	Nguyễn Phạm Mai	Trâm	12A 8	C5	120804	394	6.80	50	34.00	16.00	0.00	0.00
328	Nguyễn Ngọc Huyền	Trân	12A 8	C6	120817	148	4.20	50	21.00	29.00	0.00	0.00

STT	Họ và tên		Lớp	Phòng	SBD	Mã đề	Điểm	Tổng số câu	Số câu đúng	Số câu sai	Phạm quy	Không làm
329	Nguyễn Lâm Bảo	Trang	12A 8	C5	120783	460	5.60	50	28.00	22.00	0.00	0.00
330	Lê Văn Khánh	Trình	12A 8	C6	120833	394	5.80	50	29.00	21.00	0.00	0.00
331	Nguyễn Phạm Hồng	Trình	12A 8	C6	120831	256	2.80	50	14.00	36.00	0.00	0.00
332	Lê Quốc	Trung	12A 8	C7	120854	148	4.00	50	20.00	30.00	0.00	0.00
333	Phan Lê	Tuấn	12A 8	C1	120654	460	3.00	50	15.00	35.00	0.00	0.00
334	Nguyễn Nhật	Uyên	12A 8	C7	120867	148	4.00	50	20.00	30.00	0.00	0.00
335	Nguyễn Phạm Tố	Uyên	12A 8	C7	120878	256	6.40	50	32.00	18.00	0.00	0.00
336	Trần Tuấn	Vũ	12A 8	C8	120901	460	6.20	50	31.00	18.00	0.00	1.00
337	Nguyễn Ngọc Hà	Vy	12A 8	C8	120913	394	5.80	50	29.00	21.00	0.00	0.00
338	Nguyễn Thiên	Vy	12A 8	C8	120932	256	4.40	50	22.00	28.00	0.00	0.00
339	Lâm Tư	Vỹ	12A 8	C9	120937	460	6.20	50	31.00	19.00	0.00	0.00
340	Trần Hữu	An	12A 9	A1	120007	148	3.60	50	18.00	32.00	0.00	0.00
341	Trần Ngọc Tú	Anh	12A 9	A1	120036	256	6.40	50	32.00	18.00	0.00	0.00
342	Hoàng	Ánh	12A 9	A1	120040	256	7.20	50	36.00	14.00	0.00	0.00
343	Trác Vũ Việt	Bách	12A 9	A2	120046	148	9.00	50	45.00	5.00	0.00	0.00
344	Nguyễn Ngọc	Biên	12A 9	A2	120058	394	6.00	50	30.00	20.00	0.00	0.00
345	Đình Nguyễn Phú	Bình	12A 9	A2	120062	256	7.60	50	38.00	12.00	0.00	0.00
346	Trần Đỗ Phát	Đạt	12A 9	A3	120111	394	4.80	50	24.00	26.00	0.00	0.00
347	Phạm Văn	Đức	12A 9	A4	120132	460	3.40	50	17.00	32.00	0.00	1.00
348	Xà Quế	Dương	12A 9	A3	120103	256	7.20	50	36.00	14.00	0.00	0.00
349	Nguyễn Hoàng Quỳnh	Giang	12A 9	A4	120135	394	4.60	50	23.00	27.00	0.00	0.00
350	Nguyễn Huỳnh Khánh	Hà	12A 9	A4	120142	394	7.80	50	39.00	11.00	0.00	0.00
351	Lý Kiến	Hào	12A 9	A5	120162	460	4.00	50	20.00	30.00	0.00	0.00
352	Trần Văn	Hiếu	12A 9	A6	120209	148	4.20	50	21.00	26.00	0.00	3.00
353	Phạm Lưu Như	Hợp	12A 9	A6	120223	394	8.00	50	40.00	10.00	0.00	0.00
354	Mai Phương	Hung	12A 9	A7	120263	460	8.80	50	44.00	6.00	0.00	0.00
355	Lê Gia	Huy	12A 9	A6	120228	460	5.40	50	27.00	23.00	0.00	0.00
356	Huỳnh Khánh	Huy	12A 9	A7	120234	394	4.60	50	23.00	27.00	0.00	0.00
357	Lê Nguyên	Khang	12A 9	A8	120292	256	3.00	50	15.00	35.00	0.00	0.00
358	Võ Nam	Khoa	12A 9	A9	120332	148	7.60	50	38.00	12.00	0.00	0.00
359	Phan Nhật	Khôi	12A 9	A10	120345	148	4.40	50	22.00	28.00	0.00	0.00
360	Nguyễn Ngọc Yên	Khuê	12A 9	A10	120347	460	4.20	50	21.00	29.00	0.00	0.00
361	Lê Quang	Kiên	12A 9	A8	120271	148	6.80	50	34.00	16.00	0.00	0.00
362	Nguyễn Ngọc Thùy	Linh	12A 9	A10	120377	256	6.40	50	32.00	18.00	0.00	0.00
363	Huỳnh Bá	Long	12A 9	A10	120381	394	9.00	50	45.00	5.00	0.00	0.00
364	Nguyễn Phương	Nam	12A 9	A11	120412	394	6.00	50	30.00	20.00	0.00	0.00
365	Lê Châu Thái	Nguyên	12A 9	A13	120472	460	5.20	50	26.00	24.00	0.00	0.00
366	Nguyễn Thị Ngọc	Như	12A 9	A14	120520	394	4.20	50	21.00	28.00	0.00	1.00
367	Nguyễn Hoàng Ý	Như	12A 9	A14	120529	460	7.00	50	35.00	15.00	0.00	0.00
368	Lý Gia	Quyên	12A 9	A16	120587	148	5.00	50	25.00	25.00	0.00	0.00
369	Nguyễn Quý	Son	12A 9	A16	120614	394	4.20	50	21.00	29.00	0.00	0.00
370	Dương Thị Mỹ	Tâm	12A 9	C1	120620	148	3.20	50	16.00	34.00	0.00	0.00
371	Phan Nguyễn Hồng	Thanh	12A 9	C2	120672	460	5.00	50	25.00	24.00	0.00	1.00
372	Nguyễn Thị Kim	Thảo	12A 9	C2	120684	394	6.20	50	31.00	19.00	0.00	0.00
373	Trần Nguyễn Thiên	Thiên	12A 9	C3	120711	148	6.80	50	34.00	16.00	0.00	0.00
374	Nguyễn Hồ Phước	Thiên	12A 9	C3	120709	460	6.00	50	30.00	20.00	0.00	0.00
375	Nguyễn Vũ Lâm	Thịnh	12A 9	C3	120721	256	6.60	50	33.00	17.00	0.00	0.00

STT	Họ và tên		Lớp	Phòng	SBD	Mã đề	Điểm	Tổng số câu	Số câu đúng	Số câu sai	Phạm quy	Không làm
376	Lê Nguyễn Thanh	Thùy	12A 9	C4	120741	148	6.60	50	33.00	17.00	0.00	0.00
377	Đỗ Trần Huyền	Trần	12A 9	C6	120818	460	7.20	50	36.00	14.00	0.00	0.00
378	Nguyễn Hùng	Trung	12A 9	C7	120853	460	5.40	50	27.00	23.00	0.00	0.00
379	Võ Trần Hạ	Uyên	12A 9	C7	120865	460	6.20	50	31.00	18.00	0.00	1.00
380	Nguyễn Lại Như	Ý	12A 9	C9	120942	256	6.00	50	30.00	20.00	0.00	0.00
381	Nguyễn Hữu	Ân	12A10	A1	120043	394	8.60	50	43.00	7.00	0.00	0.00
382	Ngô Hoàng Kim	Anh	12A10	A1	120019	460	5.40	50	27.00	23.00	0.00	0.00
383	Lương Ngọc Phương	Anh	12A10	A1	120030	394	7.60	50	38.00	12.00	0.00	0.00
384	Nguyễn Phúc	Bảo	12A10	A2	120053	148	6.80	50	34.00	16.00	0.00	0.00
385	Nguyễn Thị Ngọc	Đan	12A10	A3	120107	394	6.80	50	34.00	16.00	0.00	0.00
386	Đặng Thiên	Đặng	12A10	A4	120126	460	8.40	50	42.00	8.00	0.00	0.00
387	Đỗ Hà Hải	Đặng	12A10	A4	120122	148	4.80	50	24.00	26.00	0.00	0.00
388	Cao Ngọc Thùy	Duyên	12A10	A3	120101	460	3.40	50	17.00	33.00	0.00	0.00
389	Nguyễn Ngọc	Hải	12A10	A5	120152	460	3.60	50	18.00	32.00	0.00	0.00
390	Vũ Thị	Hằng	12A10	A5	120167	394	8.20	50	41.00	9.00	0.00	0.00
391	Lê Việt	Hoàng	12A10	A6	120221	148	8.00	50	40.00	10.00	0.00	0.00
392	Nguyễn Minh	Hung	12A10	A7	120260	148	6.20	50	31.00	19.00	0.00	0.00
393	Ngô Quỳnh	Hương	12A10	A7	120267	460	5.20	50	26.00	24.00	0.00	0.00
394	Nguyễn Gia	Huy	12A10	A7	120229	394	3.80	50	19.00	31.00	0.00	0.00
395	Nguyễn Xuân	Khang	12A10	A8	120300	256	7.60	50	38.00	12.00	0.00	0.00
396	Đinh Đăng	Khoa	12A10	A9	120327	148	9.00	50	45.00	5.00	0.00	0.00
397	Nguyễn Thị Thanh	Lam	12A10	A10	120354	460	5.80	50	29.00	21.00	0.00	0.00
398	Châu Thuyên	Lân	12A10	A10	120360	148	7.80	50	39.00	11.00	0.00	0.00
399	Hoàng Văn	Long	12A10	A11	120384	148	5.00	50	25.00	25.00	0.00	0.00
400	Huỳnh Nguyễn Thanh	Ngân	12A10	A12	120425	148	8.00	50	40.00	10.00	0.00	0.00
401	Nguyễn Thụy Bích	Ngọc	12A10	A12	120447	394	6.80	50	34.00	16.00	0.00	0.00
402	Vũ Thị Tinh	Ngọc	12A10	A12	120455	256	8.00	50	40.00	10.00	0.00	0.00
403	Nguyễn Thị Hồng	Nhi	12A10	A13	120494	460	5.00	50	25.00	25.00	0.00	0.00
404	Phạm Vũ Yên	Nhi	12A10	A14	120508	394	6.40	50	32.00	18.00	0.00	0.00
405	Nguyễn Thiện	Phú	12A10	A15	120543	148	6.80	50	34.00	16.00	0.00	0.00
406	Nguyễn Đức	Phú	12A10	A15	120537	460	5.80	50	29.00	21.00	0.00	0.00
407	Biều Võ Thiên	Phụng	12A10	A15	120554	148	6.00	50	30.00	19.00	0.00	1.00
408	Huỳnh Ngọc Trúc	Quỳnh	12A10	A16	120601	394	7.40	50	37.00	13.00	0.00	0.00
409	Nguyễn Phạm Nguyên	Thảo	12A10	C2	120686	256	7.20	50	36.00	14.00	0.00	0.00
410	Phạm Lâm Ánh	Thơ	12A10	C3	120730	256	7.20	50	36.00	14.00	0.00	0.00
411	Võ Huỳnh Anh	Thư	12A10	C4	120748	460	6.60	50	33.00	17.00	0.00	0.00
412	Võ Thùy Thanh	Thư	12A10	C4	120767	394	7.20	50	36.00	14.00	0.00	0.00
413	Nguyễn Bảo Kha	Thy	12A10	C5	120777	460	4.60	50	23.00	27.00	0.00	0.00
414	Hoàng Yến	Trang	12A10	C5	120797	460	4.20	50	21.00	29.00	0.00	0.00
415	Huỳnh Văn	Trí	12A10	C6	120824	460	6.20	50	31.00	19.00	0.00	0.00
416	Nguyễn Quốc	Trung	12A10	C7	120855	148	5.60	50	28.00	22.00	0.00	0.00
417	Nguyễn Ngọc Anh	Tuấn	12A10	C1	120651	460	6.80	50	34.00	16.00	0.00	0.00
418	Phạm Trần Ánh	Tuyết	12A10	C2	120663	460	4.80	50	24.00	26.00	0.00	0.00
419	Nguyễn Khánh	Vân	12A10	C7	120887	394	7.60	50	38.00	12.00	0.00	0.00
420	Lê Bảo	An	12A11	A1	120001	148	7.80	50	39.00	11.00	0.00	0.00
421	Nguyễn Hữu Hoàng	An	12A11	A1	120006	148	8.40	50	42.00	8.00	0.00	0.00
422	Nguyễn Hồ Quỳnh	Anh	12A11	A1	120032	256	7.80	50	39.00	11.00	0.00	0.00

STT	Họ và tên		Lớp	Phòng	SBD	Mã đề	Điểm	Tổng số câu	Số câu đúng	Số câu sai	Phạm quy	Không làm
423	Vương Kiều	Anh	12A11	A1	120018	148	4.40	50	22.00	28.00	0.00	0.00
424	Dương Thị Kim	Anh	12A11	A1	120020	460	4.60	50	23.00	27.00	0.00	0.00
425	Châu Ngọc	Bảo	12A11	A2	120051	460	5.00	50	25.00	24.00	0.00	1.00
426	Lê Thành	Danh	12A11	A2	120074	394	5.40	50	27.00	23.00	0.00	0.00
427	Vũ Thành	Danh	12A11	A2	120075	148	4.20	50	21.00	29.00	0.00	0.00
428	Huỳnh Thị Kim	Diễm	12A11	A3	120077	460	3.60	50	18.00	32.00	0.00	0.00
429	Trần Ái	Gấm	12A11	A4	120133	148	8.00	50	40.00	10.00	0.00	0.00
430	Dương Văn	Hải	12A11	A5	120153	148	5.20	50	26.00	24.00	0.00	0.00
431	Trương Văn	Hàn	12A11	A5	120154	148	4.20	50	21.00	29.00	0.00	0.00
432	Huỳnh Ngọc Phương	Hân	12A11	A5	120186	256	5.20	50	26.00	24.00	0.00	0.00
433	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	12A11	A5	120157	148	5.20	50	26.00	24.00	0.00	0.00
434	Hồ Hoàng	Huy	12A11	A7	120233	256	4.60	50	23.00	27.00	0.00	0.00
435	Dương Quốc	Huy	12A11	A7	120242	256	8.00	50	40.00	10.00	0.00	0.00
436	Nguyễn Ngọc	Huyền	12A11	A7	120255	460	7.80	50	39.00	11.00	0.00	0.00
437	Lê Thị Khánh	Huyền	12A11	A7	120254	460	6.00	50	30.00	20.00	0.00	0.00
438	Đinh Xuân	Khánh	12A11	A9	120320	256	4.80	50	24.00	26.00	0.00	0.00
439	Võ Ngọc	Khánh	12A11	A9	120312	148	7.20	50	36.00	14.00	0.00	0.00
440	Lý Hoàng	Long	12A11	A11	120383	460	4.20	50	21.00	29.00	0.00	0.00
441	Đỗ Văn	Minh	12A11	A11	120397	148	8.40	50	42.00	8.00	0.00	0.00
442	Nguyễn Thị Thảo	My	12A11	A11	120405	256	4.20	50	21.00	29.00	0.00	0.00
443	Lê Thị Tuyết	Ngân	12A11	A11	120424	394	6.60	50	33.00	17.00	0.00	0.00
444	Phạm Võ Thanh	Ngân	12A11	A12	120426	460	5.80	50	29.00	21.00	0.00	0.00
445	Nguyễn Phan Ánh	Ngọc	12A11	A12	120444	148	6.20	50	31.00	18.00	0.00	1.00
446	Nguyễn Trịnh Quỳnh	Như	12A11	A14	120522	256	3.80	50	19.00	31.00	0.00	0.00
447	Lê Hoàng	Phúc	12A11	A15	120549	460	5.20	50	26.00	24.00	0.00	0.00
448	Nguyễn Thị Xuân	Phuong	12A11	A15	120568	394	5.60	50	28.00	22.00	0.00	0.00
449	Lê Phước Minh	Quốc	12A11	A16	120585	148	4.60	50	23.00	27.00	0.00	0.00
450	Đào Chí	Quốc	12A11	A16	120583	460	8.60	50	43.00	7.00	0.00	0.00
451	Phạm Đình	Thắng	12A11	C2	120697	256	6.60	50	33.00	17.00	0.00	0.00
452	Nguyễn Duy	Thịnh	12A11	C3	120717	460	6.80	50	34.00	16.00	0.00	0.00
453	Nguyễn Hà Minh	Thư	12A11	C4	120759	460	4.80	50	24.00	26.00	0.00	0.00
454	Phạm Nguyễn Anh	Thy	12A11	C4	120773	460	3.60	50	18.00	32.00	0.00	0.00
455	Huỳnh Lê Bích	Trâm	12A11	C5	120800	256	7.20	50	36.00	14.00	0.00	0.00
456	Huỳnh Minh	Triết	12A11	C6	120827	460	4.40	50	22.00	27.00	0.00	1.00
457	Phan Ngọc Phương	Trinh	12A11	C6	120838	256	9.00	50	45.00	5.00	0.00	0.00
458	Nguyễn Thị Phương	Trinh	12A11	C6	120837	256	4.60	50	23.00	27.00	0.00	0.00
459	Lê Văn Gia	Tùng	12A11	C1	120656	148	6.40	50	32.00	18.00	0.00	0.00
460	Võ Thị Ngọc	Tuyết	12A11	C2	120664	148	4.40	50	22.00	28.00	0.00	0.00
461	Bùi Phương	Uyên	12A11	C7	120869	256	4.60	50	23.00	27.00	0.00	0.00
462	Vũ Thị Ánh	Vân	12A11	C7	120886	394	6.40	50	32.00	18.00	0.00	0.00
463	Phạm Nguyễn Trúc	Vy	12A11	C9	120934	148	3.20	50	16.00	34.00	0.00	0.00
464	Hoàng Gia	Anh	12A12	A1	120014	460	7.40	50	37.00	13.00	0.00	0.00
465	Lê Bảo	Châu	12A12	A2	120065	394	8.80	50	44.00	6.00	0.00	0.00
466	Nguyễn Tấn	Đạt	12A12	A3	120115	394	6.00	50	30.00	20.00	0.00	0.00
467	Từ Gia	Hân	12A12	A5	120174	256	8.00	50	40.00	10.00	0.00	0.00
468	Đặng Thị Thu	Hiền	12A12	A6	120196	394	2.80	50	14.00	36.00	0.00	0.00
469	Mai Đăng Minh	Hiếu	12A12	A6	120206	256	8.20	50	41.00	9.00	0.00	0.00

STT	Họ và tên		Lớp	Phòng	SBD	Mã đề	Điểm	Tổng số câu	Số câu đúng	Số câu sai	Phạm quy	Không làm
470	Phan Lê Gia	Huy	12A12	A7	120230	256	4.20	50	21.00	29.00	0.00	0.00
471	Trần Quốc	Huy	12A12	A7	120243	394	6.40	50	32.00	18.00	0.00	0.00
472	Nguyễn Nhật Trí	Khang	12A12	A8	120297	394	7.40	50	37.00	13.00	0.00	0.00
473	Trần Ngọc Như	Khánh	12A12	A9	120316	148	7.00	50	35.00	15.00	0.00	0.00
474	Nguyễn Diệu	Linh	12A12	A10	120364	460	8.60	50	43.00	7.00	0.00	0.00
475	Nguyễn Hoàng Gia	Linh	12A12	A10	120368	148	6.20	50	31.00	18.00	0.00	1.00
476	Huỳnh Tấn Anh	Mỹ	12A12	A11	120406	394	4.40	50	22.00	28.00	0.00	0.00
477	Trần Tâm	Ngọc	12A12	A12	120454	256	6.60	50	33.00	17.00	0.00	0.00
478	Đoàn Đức	Nguyễn	12A12	A13	120465	460	7.80	50	39.00	11.00	0.00	0.00
479	Lê Minh	Nhật	12A12	A13	120490	148	5.60	50	28.00	22.00	0.00	0.00
480	Vũ Minh	Nhật	12A12	A13	120489	256	8.20	50	41.00	9.00	0.00	0.00
481	Trần Mẫn	Nhi	12A12	A13	120495	256	6.40	50	32.00	18.00	0.00	0.00
482	Thái Thị Phi	Nhung	12A12	A14	120514	460	3.00	50	15.00	35.00	0.00	0.00
483	Nguyễn Huỳnh	Phúc	12A12	A15	120551	148	4.20	50	21.00	29.00	0.00	0.00
484	Trương Hoàng	Phước	12A12	A15	120556	394	6.40	50	32.00	18.00	0.00	0.00
485	Nguyễn Bảo	Song	12A12	A16	120611	256	8.00	50	40.00	10.00	0.00	0.00
486	Phạm Thanh	Thảo	12A12	C2	120691	256	3.80	50	19.00	21.00	0.00	10.00
487	Nguyễn Ngọc	Thịnh	12A12	C3	120724	394	8.00	50	40.00	10.00	0.00	0.00
488	Lê Gia	Thịnh	12A12	C3	120719	394	7.40	50	37.00	13.00	0.00	0.00
489	Trần Nguyễn Bảo	Thư	12A12	C4	120754	148	5.80	50	29.00	21.00	0.00	0.00
490	Đào Thị Anh	Thư	12A12	C4	120749	256	5.00	50	25.00	25.00	0.00	0.00
491	Nguyễn Minh	Thư	12A12	C4	120760	394	5.20	50	26.00	24.00	0.00	0.00
492	Nguyễn Thị Minh	Thùy	12A12	C4	120739	460	5.20	50	26.00	24.00	0.00	0.00
493	Nguyễn Hữu	Toàn	12A12	C1	120644	394	7.00	50	35.00	15.00	0.00	0.00
494	Nguyễn Bảo	Toàn	12A12	C1	120642	394	3.60	50	18.00	32.00	0.00	0.00
495	Trần Lê Phương	Trâm	12A12	C5	120810	394	3.40	50	17.00	33.00	0.00	0.00
496	Phạm Hoàng Bảo	Trân	12A12	C5	120814	256	7.60	50	38.00	12.00	0.00	0.00
497	Lê Ngọc	Trân	12A12	C6	120820	460	4.80	50	24.00	24.00	0.00	2.00
498	Trần Thị Thùy	Trang	12A12	C5	120792	148	6.20	50	31.00	19.00	0.00	0.00
499	Phạm Xuân	Trường	12A12	C7	120862	148	9.40	50	47.00	3.00	0.00	0.00
500	Nguyễn Đức	Trường	12A12	C7	120858	460	6.00	50	30.00	20.00	0.00	0.00
501	Lê Ngọc Thanh	Vân	12A12	C7	120889	256	3.80	50	19.00	31.00	0.00	0.00
502	Nguyễn Tường Bảo	Vui	12A12	C8	120904	460	4.40	50	22.00	28.00	0.00	0.00
503	Đoàn Hoài Như	Ý	12A12	C9	120943	148	4.00	50	20.00	30.00	0.00	0.00
504	Võ Đình Hải	An	12A13	A1	120003	460	5.20	50	26.00	24.00	0.00	0.00
505	Nguyễn Lê Phi	Bảo	12A13	A2	120052	460	7.00	50	35.00	15.00	0.00	0.00
506	Lê Nguyên	Chương	12A13	A2	120072	256	9.40	50	47.00	3.00	0.00	0.00
507	Vũ Huỳnh Thiên	Đan	12A13	A3	120108	256	8.20	50	41.00	9.00	0.00	0.00
508	Nguyễn Trần Gia	Điền	12A13	A4	120128	460	6.00	50	30.00	20.00	0.00	0.00
509	Mai Thắm Thủy	Duyên	12A13	A3	120099	148	8.60	50	43.00	7.00	0.00	0.00
510	Đỗ Hồng	Hà	12A13	A4	120140	256	7.60	50	38.00	12.00	0.00	0.00
511	Trần Ninh	Hải	12A13	A4	120151	256	9.40	50	47.00	3.00	0.00	0.00
512	Nguyễn Lê Bảo	Hân	12A13	A5	120170	394	6.20	50	31.00	19.00	0.00	0.00
513	Đoàn Trần Mỹ	Hạnh	12A13	A5	120158	148	6.40	50	32.00	18.00	0.00	0.00
514	Lê Tuấn	Hảo	12A13	A5	120165	148	3.80	50	19.00	31.00	0.00	0.00
515	Tactay Hoàng	John	12A13	A7	120270	148	6.00	50	30.00	20.00	0.00	0.00
516	Đỗ Gia	Khang	12A13	A8	120288	256	7.20	50	36.00	14.00	0.00	0.00

STT	Họ và tên		Lớp	Phòng	SBD	Mã đề	Điểm	Tổng số câu	Số câu đúng	Số câu sai	Phạm quy	Không làm
517	Châu Đăng	Khôi	12A13	A10	120340	460	5.40	50	27.00	23.00	0.00	0.00
518	Lê Nhật Anh	Khôi	12A13	A9	120338	460	3.60	50	18.00	32.00	0.00	0.00
519	Nguyễn Thị Hòa	Lam	12A13	A10	120351	394	5.60	50	28.00	22.00	0.00	0.00
520	Lê Minh	Lộc	12A13	A11	120385	148	6.20	50	31.00	19.00	0.00	0.00
521	Lê Huỳnh Bảo	Minh	12A13	A11	120391	148	8.00	50	40.00	10.00	0.00	0.00
522	Phạm Trúc	Ngân	12A13	A12	120431	148	2.80	50	14.00	36.00	0.00	0.00
523	Lương Thị Thanh	Ngân	12A13	A12	120427	460	3.80	50	19.00	31.00	0.00	0.00
524	Lê Võ Phương	Nghi	12A13	A12	120438	148	4.00	50	20.00	30.00	0.00	0.00
525	Ngô Quỳnh Như	Ngọc	12A13	A12	120453	394	3.40	50	17.00	33.00	0.00	0.00
526	Nguyễn Thanh	Ngọc	12A13	A13	120459	394	8.00	50	40.00	10.00	0.00	0.00
527	Huỳnh Gia	Nguyên	12A13	A13	120466	394	6.40	50	32.00	18.00	0.00	0.00
528	Nguyễn Lê Vĩnh	Nguyên	12A13	A13	120479	460	7.00	50	35.00	15.00	0.00	0.00
529	Phan Thành	Nhân	12A13	A13	120488	460	6.40	50	32.00	18.00	0.00	0.00
530	Nguyễn Phan Bảo	Như	12A13	A14	120517	148	7.20	50	36.00	14.00	0.00	0.00
531	Nguyễn Huỳnh Khánh	Như	12A13	A14	120518	394	6.80	50	34.00	16.00	0.00	0.00
532	Phạm Hữu	Phước	12A13	A15	120557	256	6.60	50	33.00	17.00	0.00	0.00
533	Huỳnh Thị Kim	Phương	12A13	A15	120559	394	5.20	50	26.00	24.00	0.00	0.00
534	Nguyễn Võ Hàn	Thuyền	12A13	C4	120747	394	5.80	50	29.00	21.00	0.00	0.00
535	Châu Bảo	Trân	12A13	C5	120815	256	6.60	50	33.00	17.00	0.00	0.00
536	Nguyễn Phạm Hồng	Trang	12A13	C5	120784	460	5.80	50	29.00	21.00	0.00	0.00
537	Phan Minh	Trúc	12A13	C6	120847	256	5.80	50	29.00	21.00	0.00	0.00
538	Trương Phan Vy	Trúc	12A13	C7	120851	148	3.40	50	17.00	33.00	0.00	0.00
539	Nguyễn Thanh Tú	Uyên	12A13	C7	120879	256	7.20	50	36.00	14.00	0.00	0.00
540	Nguyễn Võ Phương	Uyên	12A13	C7	120871	394	9.20	50	46.00	4.00	0.00	0.00
541	Nguyễn Lê Phương	Uyên	12A13	C7	120870	394	4.40	50	22.00	28.00	0.00	0.00
542	Nguyễn Thị Tường	Vi	12A13	C8	120892	460	6.20	50	31.00	19.00	0.00	0.00
543	Đỗ Trần	Vinh	12A13	C8	120897	148	3.80	50	19.00	31.00	0.00	0.00
544	Trần Dương Thảo	Vy	12A13	C8	120929	394	4.00	50	20.00	30.00	0.00	0.00
545	Lê Minh	Chức	12A14	A2	120071	148	4.60	50	23.00	27.00	0.00	0.00
546	Võ Anh	Đạt	12A14	A3	120109	256	7.20	50	36.00	14.00	0.00	0.00
547	Đoàn Đình	Duy	12A14	A3	120091	148	3.60	50	18.00	31.00	0.00	1.00
548	Phạm Hồng	Hải	12A14	A4	120150	394	7.00	50	35.00	15.00	0.00	0.00
549	Bùi Gia	Hân	12A14	A5	120175	394	6.60	50	33.00	17.00	0.00	0.00
550	Nguyễn Thị Bích	Hằng	12A14	A5	120166	460	6.60	50	33.00	16.00	0.00	1.00
551	Nguyễn Phan Đình	Hào	12A14	A5	120161	460	7.00	50	35.00	15.00	0.00	0.00
552	Trần Minh	Hùng	12A14	A6	120226	256	5.60	50	28.00	22.00	0.00	0.00
553	Nguyễn Thị Thanh	Hương	12A14	A7	120268	460	7.00	50	35.00	15.00	0.00	0.00
554	Trần Thanh	Huy	12A14	A7	120245	256	5.80	50	29.00	21.00	0.00	0.00
555	Mai Chí	Khang	12A14	A8	120284	460	7.80	50	39.00	11.00	0.00	0.00
556	Trần Thị Diệu	Linh	12A14	A10	120365	394	6.20	50	31.00	19.00	0.00	0.00
557	Hoàng Văn	Minh	12A14	A11	120398	148	4.40	50	22.00	28.00	0.00	0.00
558	Trương Mỹ	Ngọc	12A14	A12	120452	394	5.20	50	26.00	24.00	0.00	0.00
559	Trần Lê Bảo	Ngọc	12A14	A12	120445	256	4.00	50	20.00	30.00	0.00	0.00
560	Nguyễn Sĩ	Nguyên	12A14	A13	120470	148	4.00	50	20.00	30.00	0.00	0.00
561	Trần Ngọc Minh	Nguyệt	12A14	A13	120481	460	7.20	50	36.00	14.00	0.00	0.00
562	Thái Thị Thanh	Nhàn	12A14	A13	120485	256	8.00	50	40.00	10.00	0.00	0.00
563	Huỳnh Ngô Nữ	Nhi	12A14	A13	120496	148	5.80	50	29.00	21.00	0.00	0.00

STT	Họ và tên		Lớp	Phòng	SBD	Mã đề	Điểm	Tổng số câu	Số câu đúng	Số câu sai	Phạm quy	Không làm
564	Nguyễn Thị Ngọc	Nhi	12A14	A14	120499	256	5.20	50	26.00	24.00	0.00	0.00
565	Châu Thân Quỳnh	Như	12A14	A14	120523	460	3.80	50	19.00	31.00	0.00	0.00
566	Nguyễn Thị Minh	Phuong	12A14	A15	120562	394	8.20	50	41.00	9.00	0.00	0.00
567	Nguyễn Minh	Quang	12A14	A15	120569	394	4.80	50	24.00	26.00	0.00	0.00
568	Nguyễn Ngọc Khánh	Quỳnh	12A14	A16	120595	148	6.60	50	33.00	17.00	0.00	0.00
569	Hoàng Ngọc	Tân	12A14	C1	120623	460	5.40	50	27.00	23.00	0.00	0.00
570	Nguyễn Hoàng Quốc	Thái	12A14	C2	120671	460	5.80	50	29.00	21.00	0.00	0.00
571	Nguyễn Thanh	Thanh	12A14	C2	120675	148	4.60	50	23.00	27.00	0.00	0.00
572	Bùi Nguyễn Minh	Thư	12A14	C4	120761	148	8.00	50	40.00	10.00	0.00	0.00
573	Đỗ Thị Anh	Thy	12A14	C4	120774	394	4.20	50	21.00	29.00	0.00	0.00
574	Trần Duy	Toàn	12A14	C1	120643	256	6.00	50	30.00	19.00	0.00	1.00
575	Phan Ngọc	Trâm	12A14	C5	120807	256	4.20	50	21.00	29.00	0.00	0.00
576	Trần Thị Yến	Trang	12A14	C5	120798	394	9.40	50	47.00	3.00	0.00	0.00
577	Nguyễn Hoàng Tố	Trình	12A14	C6	120839	394	6.00	50	30.00	20.00	0.00	0.00
578	Biện Hồ	Trọng	12A14	C6	120843	394	5.20	50	26.00	24.00	0.00	0.00
579	Huỳnh Công	Tuấn	12A14	C1	120652	148	8.00	50	40.00	10.00	0.00	0.00
580	Tăng Tiếp	Tuyển	12A14	C2	120662	460	3.80	50	19.00	31.00	1.00	0.00
581	Lương Huỳnh Tú	Uyên	12A14	C7	120880	394	5.20	50	26.00	24.00	0.00	0.00
582	Trịnh Thị Thảo	Vy	12A14	C8	120930	394	9.00	50	45.00	5.00	0.00	0.00
583	Võ Thị Tường	Vy	12A14	C8	120926	256	5.20	50	26.00	24.00	0.00	0.00
584	Lê Thị Yến	Vy	12A14	C9	120935	256	5.60	50	28.00	22.00	0.00	0.00
585	Diệp Như	Ý	12A14	C9	120944	394	7.80	50	39.00	11.00	0.00	0.00
586	Trần Thị Thu	Yến	12A14	C9	120954	394	5.00	50	25.00	25.00	0.00	0.00
587	Lê Thị Hồng	Yến	12A14	C9	120951	460	5.40	50	27.00	23.00	0.00	0.00
588	Nguyễn Diệu	Anh	12C 1	C10	120013	460	4.00	50	20.00	30.00	0.00	0.00
589	Dương Nguyệt	Anh	12C 1	C10	120026	394	8.80	50	44.00	6.00	0.00	0.00
590	Ngô Thị Ngọc	Anh	12C 1	C10	120025	460	5.60	50	28.00	22.00	0.00	0.00
591	Phan Trọng	Bằng	12C 1	C10	120056	256	8.60	50	43.00	7.00	0.00	0.00
592	Lưu Gia	Bảo	12C 1	C10	120049	394	8.40	50	42.00	8.00	0.00	0.00
593	Đặng Nguyễn Như	Bình	12C 1	C11	120061	460	8.20	50	41.00	9.00	0.00	0.00
594	Phạm Lưu Yến	Chi	12C 1	C11	120069	148	7.80	50	39.00	11.00	0.00	0.00
595	Nguyễn Hải	Đặng	12C 1	C11	120123	256	4.40	50	22.00	28.00	0.00	0.00
596	Nguyễn Văn	Dũng	12C 1	C11	120089	394	4.80	50	24.00	26.00	0.00	0.00
597	Trần Thị Bảo	Hân	12C 1	C12	120171	460	9.00	50	45.00	5.00	0.00	0.00
598	Phạm Thị Như	Hảo	12C 1	C12	120164	460	5.60	50	28.00	22.00	0.00	0.00
599	Đinh Xuân	Hậu	12C 1	C13	120194	148	7.00	50	35.00	15.00	0.00	0.00
600	Bùi Mai Thu	Hiền	12C 1	C13	120198	394	7.40	50	37.00	13.00	0.00	0.00
601	Mai Thu	Hiền	12C 1	C13	120197	460	6.20	50	31.00	19.00	0.00	0.00
602	Lâm Thái	Hòa	12C 1	C13	120216	394	3.80	50	19.00	31.00	0.00	0.00
603	Trần Lê Hương	Huyền	12C 1	C13	120253	256	7.40	50	37.00	13.00	0.00	0.00
604	Trần Minh	Khang	12C 1	C14	120291	394	8.20	50	41.00	9.00	0.00	0.00
605	Nguyễn Nguyên	Khôi	12C 1	C15	120343	460	8.00	50	40.00	10.00	0.00	0.00
606	Phạm Thúy	Kiều	12C 1	C14	120276	394	5.20	50	26.00	24.00	0.00	0.00
607	Trần Quỳnh Gia	Lạc	12C 1	C15	120349	148	7.20	50	36.00	14.00	0.00	0.00
608	Nguyễn Phạm Minh	Lâm	12C 1	C15	120356	148	8.00	50	40.00	10.00	0.00	0.00
609	Lê Trần Diễm	My	12C 1	C16	120400	460	7.60	50	38.00	12.00	0.00	0.00
610	Vũ Khánh Hồng	Ngọc	12C 1	C17	120449	460	6.40	50	32.00	18.00	0.00	0.00

STT	Họ và tên		Lớp	Phòng	SBD	Mã đề	Điểm	Tổng số câu	Số câu đúng	Số câu sai	Phạm quy	Không làm
611	Lê Minh	Nguyệt	12C 1	C17	120482	256	3.00	50	15.00	35.00	0.00	0.00
612	Phan Ngọc Thiên	Phú	12C 1	C18	120541	394	5.20	50	26.00	24.00	0.00	0.00
613	Lê Hà Đỗ	Quyên	12C 1	C19	120586	256	9.00	50	45.00	5.00	0.00	0.00
614	Hồ Trọng Thanh	Thảo	12C 1	C20	120692	148	8.60	50	43.00	7.00	0.00	0.00
615	Nguyễn Hoàng Mai	Thi	12C 1	C21	120704	460	8.40	50	42.00	8.00	0.00	0.00
616	Lê Hoàng Anh	Thư	12C 1	C21	120750	256	7.60	50	38.00	12.00	0.00	0.00
617	Trần Thanh	Thư	12C 1	C22	120768	460	8.20	50	41.00	9.00	0.00	0.00
618	Trần Thị Minh	Thư	12C 1	C22	120762	148	5.40	50	27.00	23.00	0.00	0.00
619	Nguyễn Huỳnh Bảo	Trâm	12C 1	C22	120799	256	3.40	50	17.00	33.00	0.00	0.00
620	Nguyễn Thị Huyền	Trang	12C 1	C22	120785	394	5.60	50	28.00	21.00	0.00	1.00
621	Nguyễn Ngọc Khánh	Triều	12C 1	C23	120829	460	7.40	50	37.00	13.00	0.00	0.00
622	Trần Lê Kim	Trúc	12C 1	C23	120845	394	6.80	50	34.00	16.00	0.00	0.00
623	Nguyễn Thanh	Tú	12C 1	C20	120650	460	7.60	50	38.00	12.00	0.00	0.00
624	Đinh Thị Ngọc	Tường	12C 1	C20	120667	256	8.40	50	42.00	8.00	0.00	0.00
625	Nguyễn Hồ Trọng	Tường	12C 1	C20	120668	394	8.20	50	41.00	9.00	0.00	0.00
626	Võ Ngọc Phương	Uyên	12C 1	C23	120872	256	9.00	50	45.00	5.00	0.00	0.00
627	Đinh Thị Phương	Uyên	12C 1	C23	120873	394	7.00	50	35.00	15.00	0.00	0.00
628	Nguyễn Thành	Vinh	12C 1	C24	120896	148	8.20	50	41.00	9.00	0.00	0.00
629	Phạm Kim	Yến	12C 1	B1	120952	394	5.20	50	26.00	24.00	0.00	0.00
630	Trần Vũ Thùy	An	12C 2	C10	120010	460	6.00	50	30.00	20.00	0.00	0.00
631	Nguyễn Hồng Bảo	Anh	12C 2	C10	120011	148	9.00	50	45.00	5.00	0.00	0.00
632	Ngô Gia Minh	Châu	12C 2	C11	120067	148	8.60	50	43.00	7.00	0.00	0.00
633	Phan Thị Thanh	Dung	12C 2	C11	120086	148	7.60	50	38.00	12.00	0.00	0.00
634	Trần Gia	Hân	12C 2	C12	120176	148	6.80	50	34.00	16.00	0.00	0.00
635	Huỳnh Đỗ Khả	Hân	12C 2	C12	120181	256	8.40	50	42.00	8.00	0.00	0.00
636	Nguyễn Anh	Hào	12C 2	C12	120159	148	4.00	50	20.00	30.00	0.00	0.00
637	Huỳnh Thị Thu	Hiền	12C 2	C13	120199	148	6.00	50	30.00	20.00	0.00	0.00
638	Võ Thúy	Hiền	12C 2	C13	120200	256	6.80	50	34.00	16.00	0.00	0.00
639	Lê Nguyễn Thế	Hiền	12C 2	C13	120201	460	4.40	50	22.00	28.00	0.00	0.00
640	Vũ Đức	Khải	12C 2	C14	120282	256	6.00	50	30.00	19.00	0.00	1.00
641	Nguyễn Đình	Khang	12C 2	C14	120286	256	7.40	50	37.00	13.00	0.00	0.00
642	Trần Vĩnh	Khang	12C 2	C14	120299	148	5.60	50	28.00	22.00	0.00	0.00
643	Nguyễn Huy	Khánh	12C 2	C14	120307	148	9.20	50	46.00	4.00	0.00	0.00
644	Lê Minh	Khiêm	12C 2	C15	120321	460	5.00	50	25.00	25.00	0.00	0.00
645	Trương Đăng	Khoa	12C 2	C15	120328	148	4.20	50	21.00	29.00	0.00	0.00
646	Phạm Lục Nguyễn	Khôi	12C 2	C15	120344	148	7.60	50	38.00	12.00	0.00	0.00
647	Nhan Bội Khả	Lam	12C 2	C15	120352	460	7.80	50	39.00	11.00	0.00	0.00
648	Nguyễn Thị Hồng	Mỹ	12C 2	C16	120408	148	4.00	50	20.00	30.00	0.00	0.00
649	Trương Hoàng Ái	Na	12C 2	C16	120409	460	3.20	50	16.00	34.00	0.00	0.00
650	Cao Thị Mỹ	Ngân	12C 2	C16	120422	256	6.80	50	34.00	16.00	0.00	0.00
651	Phạm Quỳnh Yến	Ngân	12C 2	C16	120433	394	3.60	50	18.00	32.00	0.00	0.00
652	La Phúc	Nghi	12C 2	C16	120435	394	5.40	50	27.00	23.00	0.00	0.00
653	Trần Bích	Ngọc	12C 2	C17	120448	148	5.20	50	26.00	24.00	0.00	0.00
654	Phạm Thảo	Nguyên	12C 2	C17	120475	148	4.80	50	24.00	25.00	0.00	1.00
655	Lê Yến	Nhi	12C 2	C17	120509	256	8.00	50	40.00	10.00	0.00	0.00
656	Đỗ Quỳnh	Như	12C 2	C18	120524	460	6.20	50	31.00	19.00	0.00	0.00
657	Nguyễn Anh	Quân	12C 2	C18	120573	256	8.20	50	41.00	9.00	0.00	0.00

STT	Họ và tên		Lớp	Phòng	SBD	Mã đề	Điểm	Tổng số câu	Số câu đúng	Số câu sai	Phạm quy	Không làm
658	Phan Minh	Quân	12C 2	C18	120578	460	7.40	50	37.00	13.00	0.00	0.00
659	Lê Thị	Quyên	12C 2	C19	120589	394	3.80	50	19.00	31.00	0.00	0.00
660	Nguyễn Anh	Tài	12C 2	C19	120616	256	4.80	50	24.00	26.00	0.00	0.00
661	Huỳnh Hoàng	Thiên	12C 2	C21	120706	148	7.20	50	36.00	13.00	0.00	1.00
662	Nguyễn Thị Ngọc	Thiên	12C 2	C21	120708	148	4.00	50	20.00	30.00	0.00	0.00
663	Nguyễn Thanh Gia	Thịnh	12C 2	C21	120720	460	5.00	50	25.00	25.00	0.00	0.00
664	Trần Mai Cát	Tiên	12C 2	C19	120625	460	6.00	50	30.00	20.00	1.00	0.00
665	Nguyễn Cát	Tiên	12C 2	C19	120626	394	8.00	50	40.00	10.00	0.00	0.00
666	Võ Thị Huyền	Trân	12C 2	C23	120819	148	4.00	50	20.00	30.00	0.00	0.00
667	Nguyễn Khánh	Tuyền	12C 2	C20	120660	256	6.80	50	34.00	16.00	0.00	0.00
668	Võ Ngọc Phương	Uyên	12C 2	C23	120874	256	7.60	50	38.00	12.00	0.00	0.00
669	Bùi Nguyễn Thái	Vân	12C 2	C23	120888	460	5.80	50	29.00	21.00	0.00	0.00
670	Nguyễn Ngọc Tường	Vy	12C 2	C24	120927	394	6.80	50	34.00	16.00	0.00	0.00
671	Trần Gia Như	Ý	12C 2	C24	120945	394	8.20	50	41.00	9.00	0.00	0.00
672	Nguyễn Phan Bảo	An	12C 3	C10	120002	148	5.40	50	27.00	23.00	0.00	0.00
673	Đồng Thụy Hoài	An	12C 3	C10	120005	148	5.20	50	26.00	24.00	0.00	0.00
674	Trần Quỳnh Hoàng	Anh	12C 3	C10	120016	460	5.40	50	27.00	23.00	0.00	0.00
675	Trần Thị Ái	Dung	12C 3	C11	120083	460	4.00	50	20.00	30.00	0.00	0.00
676	Nguyễn Vân	Dung	12C 3	C11	120087	460	6.40	50	32.00	18.00	0.00	0.00
677	Lê Thị Ngọc	Giàu	12C 3	C12	120139	460	5.40	50	27.00	22.00	0.00	1.00
678	Nguyễn Lưu Tuyết	Hân	12C 3	C12	120187	256	9.00	50	45.00	5.00	0.00	0.00
679	Nguyễn Anh	Hào	12C 3	C12	120160	148	7.20	50	36.00	14.00	0.00	0.00
680	Nguyễn	Hậu	12C 3	C12	120191	394	7.00	50	35.00	15.00	0.00	0.00
681	Trần Thị Thanh	Hiền	12C 3	C13	120195	256	5.60	50	28.00	22.00	0.00	0.00
682	Đặng Thị Bích	Hoa	12C 3	C13	120212	256	5.60	50	28.00	21.00	0.00	1.00
683	Phan Nguyễn Gia	Huy	12C 3	C13	120232	394	3.80	50	19.00	30.00	0.00	1.00
684	Nguyễn Gia	Huy	12C 3	C13	120231	460	5.60	50	28.00	22.00	0.00	0.00
685	Lê Duy	Khanh	12C 3	C14	120301	460	7.60	50	38.00	12.00	0.00	0.00
686	Trần Minh	Khánh	12C 3	C14	120311	148	4.20	50	21.00	29.00	0.00	0.00
687	Huỳnh Hữu	Khánh	12C 3	C14	120308	460	3.20	50	16.00	34.00	0.00	0.00
688	Nguyễn Vân	Khánh	12C 3	C14	120319	148	5.40	50	27.00	23.00	0.00	0.00
689	Lê Tuấn	Kiệt	12C 3	C14	120274	256	6.20	50	31.00	19.00	0.00	0.00
690	Trần Đức	Minh	12C 3	C16	120392	148	4.80	50	24.00	26.00	0.00	0.00
691	Trần Việt Kim	Ngân	12C 3	C16	120419	394	5.20	50	26.00	24.00	0.00	0.00
692	Dương Thúy	Nghi	12C 3	C16	120439	256	4.80	50	24.00	25.00	0.00	1.00
693	Hồ Đắc Thảo	Nguyên	12C 3	C17	120476	460	7.60	50	38.00	12.00	0.00	0.00
694	Huỳnh Gia	Nguyễn	12C 3	C17	120480	148	9.00	50	45.00	5.00	0.00	0.00
695	Trần Thanh	Nhật	12C 3	C17	120491	256	8.20	50	41.00	9.00	0.00	0.00
696	Trần Ngọc Yến	Nhi	12C 3	C17	120510	394	4.80	50	24.00	26.00	0.00	0.00
697	Trần Thị Quỳnh	Như	12C 3	C18	120525	148	8.40	50	42.00	8.00	0.00	0.00
698	Nguyễn Thanh Gia	Phúc	12C 3	C18	120545	148	6.40	50	32.00	18.00	0.00	0.00
699	Nguyễn Thị Kim	Quyên	12C 3	C19	120588	148	4.20	50	21.00	29.00	0.00	0.00
700	Ngô Minh	Sang	12C 3	C19	120606	460	3.40	50	17.00	33.00	0.00	0.00
701	Đào Thị Thanh	Thảo	12C 3	C20	120693	460	5.20	50	26.00	24.00	0.00	0.00
702	Nguyễn Hoàng	Thu	12C 3	C21	120732	256	6.80	50	34.00	16.00	0.00	0.00
703	Thái Anh	Thư	12C 3	C21	120751	256	7.60	50	38.00	12.00	0.00	0.00
704	Lê Thị Kim	Thương	12C 3	C22	120771	256	3.80	50	19.00	31.00	0.00	0.00

STT	Họ và tên		Lớp	Phòng	SBD	Mã đề	Điểm	Tổng số câu	Số câu đúng	Số câu sai	Phạm quy	Không làm
705	Nguyễn Ngọc Kiều	Tiên	12C 3	C19	120628	256	8.40	50	42.00	8.00	0.00	0.00
706	Trần Ngọc Thủy	Tiên	12C 3	C19	120632	394	9.20	50	46.00	4.00	0.00	0.00
707	Lê Thị Kim	Trúc	12C 3	C23	120846	256	7.40	50	37.00	13.00	0.00	0.00
708	Nguyễn Nhật	Trường	12C 3	C23	120860	394	6.00	50	30.00	20.00	0.00	0.00
709	Lê Thảo	Uyên	12C 3	C23	120883	460	4.60	50	23.00	27.00	0.00	0.00
710	Huỳnh Phú	Vinh	12C 3	C24	120895	148	5.60	50	28.00	22.00	0.00	0.00
711	Nguyễn Hoàng Bảo	Vy	12C 3	C24	120908	460	5.40	50	27.00	23.00	0.00	0.00
712	Nguyễn Thị Như	Ý	12C 3	C24	120946	256	5.00	50	25.00	25.00	0.00	0.00
713	Nguyễn Lê Phúc	An	12C 4	C10	120008	460	5.80	50	29.00	21.00	0.00	0.00
714	Trương Lê Chiêu	Anh	12C 4	C10	120012	148	5.20	50	26.00	24.00	0.00	0.00
715	Nguyễn Lâm Hải	Đăng	12C 4	C11	120124	256	3.00	50	15.00	35.00	1.00	0.00
716	Bùi Thị Phương	Dung	12C 4	C11	120085	148	6.60	50	33.00	17.00	0.00	0.00
717	Nguyễn Kỳ	Duyên	12C 4	C11	120096	394	8.20	50	41.00	9.00	0.00	0.00
718	Lê Thị Uyên	Hà	12C 4	C12	120149	460	6.20	50	31.00	19.00	0.00	0.00
719	Nguyễn Thị Kim	Hòa	12C 4	C13	120215	460	6.00	50	30.00	20.00	0.00	0.00
720	Đặng Gia	Hưng	12C 4	C14	120258	256	4.80	50	24.00	26.00	0.00	0.00
721	Lê Thanh	Huy	12C 4	C13	120246	148	5.60	50	28.00	22.00	0.00	0.00
722	Nguyễn Nhật	Khang	12C 4	C14	120294	460	8.80	50	44.00	6.00	0.00	0.00
723	Hồ Nguyễn Kim	Khánh	12C 4	C14	120309	460	7.40	50	37.00	13.00	0.00	0.00
724	Nguyễn Trương Anh	Khôi	12C 4	C15	120339	148	8.40	50	42.00	8.00	0.00	0.00
725	Nguyễn Ngọc Thanh	Lâm	12C 4	C15	120358	460	2.80	50	14.00	36.00	0.00	0.00
726	Đặng Trần Thùy	Linh	12C 4	C15	120378	256	8.20	50	41.00	9.00	0.00	0.00
727	Hoàng Ngọc Khánh	Linh	12C 4	C15	120374	394	4.40	50	22.00	28.00	0.00	0.00
728	Nguyễn Minh	Luân	12C 4	C15	120386	394	5.40	50	27.00	23.00	0.00	0.00
729	Nguyễn Lê Ngọc	Minh	12C 4	C16	120393	148	7.00	50	35.00	9.00	0.00	6.00
730	Nguyễn Trần Thanh	Ngà	12C 4	C16	120414	460	3.40	50	17.00	33.00	0.00	0.00
731	Nguyễn Thùy Hạnh	Nguyên	12C 4	C17	120468	460	7.20	50	36.00	13.00	0.00	1.00
732	Phạm Ngọc Ý	Nhi	12C 4	C17	120505	256	8.00	50	40.00	10.00	0.00	0.00
733	Nguyễn Ngọc Đông	Nhi	12C 4	C17	120492	256	6.80	50	34.00	16.00	0.00	0.00
734	Nguyễn Ngọc Minh	Phú	12C 4	C18	120538	148	3.20	50	16.00	30.00	0.00	4.00
735	Nguyễn Thị Thanh	Quyền	12C 4	C19	120591	460	4.20	50	21.00	29.00	0.00	0.00
736	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Thành	12C 4	C20	120678	394	9.40	50	47.00	3.00	0.00	0.00
737	Lâm Thanh	Thảo	12C 4	C21	120694	148	6.00	50	30.00	20.00	0.00	0.00
738	Lê Hoàng Anh	Thi	12C 4	C21	120700	460	7.00	50	35.00	15.00	0.00	0.00
739	Lê Nhật Anh	Thư	12C 4	C21	120752	394	4.00	50	20.00	30.00	0.00	0.00
740	Đinh Huỳnh Nguyên	Thuận	12C 4	C21	120737	394	8.80	50	44.00	6.00	0.00	0.00
741	Nguyễn Lâm Ngọc	Thuận	12C 4	C21	120736	256	4.40	50	22.00	28.00	0.00	0.00
742	Huỳnh Lê Thanh	Thy	12C 4	C22	120778	460	7.00	50	35.00	15.00	0.00	0.00
743	Trần Thủy	Tiên	12C 4	C19	120633	148	7.40	50	37.00	13.00	0.00	0.00
744	Nguyễn Lê Thị Uyên	Trang	12C 4	C22	120796	394	6.60	50	33.00	17.00	0.00	0.00
745	Trần Thị Thùy	Trang	12C 4	C22	120793	256	5.60	50	28.00	22.00	0.00	0.00
746	Nguyễn Anh	Trực	12C 4	C23	120857	256	3.40	50	17.00	33.00	0.00	0.00
747	Nguyễn Thành	Trung	12C 4	C23	120856	394	7.20	50	36.00	14.00	0.00	0.00
748	Nguyễn Lê Hiếu	Vy	12C 4	C24	120916	148	4.00	50	20.00	30.00	0.00	0.00
749	Hồ Nguyễn Bảo	Vy	12C 4	C24	120909	148	3.60	50	18.00	32.00	0.00	0.00
750	Dương Ngọc Như	Ý	12C 4	B1	120947	148	5.40	50	27.00	23.00	0.00	0.00
751	Lê Ngọc Lan	Anh	12C 5	C10	120022	148	9.80	50	49.00	1.00	0.00	0.00

STT	Họ và tên		Lớp	Phòng	SBD	Mã đề	Điểm	Tổng số câu	Số câu đúng	Số câu sai	Phạm quy	Không làm
752	Lê Thị Kim	Ánh	12C 5	C10	120041	256	7.00	50	35.00	15.00	0.00	0.00
753	Trần Thuỳ Thuỳ	Dương	12C 5	C11	120104	256	8.20	50	41.00	9.00	0.00	0.00
754	Ngô Ngân	Hà	12C 5	C12	120145	460	5.40	50	27.00	23.00	0.00	0.00
755	Lê Vân Khánh	Hà	12C 5	C12	120143	148	4.20	50	21.00	29.00	0.00	0.00
756	Long Gia	Hân	12C 5	C12	120177	256	6.20	50	31.00	19.00	0.00	0.00
757	Trần Ngọc Gia	Hân	12C 5	C12	120178	394	7.80	50	39.00	11.00	0.00	0.00
758	Lê Trọng	Hiếu	12C 5	C13	120208	148	5.20	50	26.00	24.00	0.00	0.00
759	Dương Tấn	Huy	12C 5	C13	120244	394	5.60	50	28.00	22.00	0.00	0.00
760	Nguyễn Nhật	Khang	12C 5	C14	120295	148	5.20	50	26.00	24.00	0.00	0.00
761	Lương Thị Huyền	Linh	12C 5	C15	120370	394	6.60	50	33.00	17.00	0.00	0.00
762	Lê Trang Hồng	Lĩnh	12C 5	C15	120379	394	6.00	50	30.00	20.00	0.00	0.00
763	Huỳnh Triệu Phi	Ngân	12C 5	C16	120423	394	5.20	50	26.00	24.00	0.00	0.00
764	Nguyễn Trang	Nghiêm	12C 5	C16	120443	394	6.60	50	33.00	17.00	0.00	0.00
765	Lê Thanh	Ngọc	12C 5	C17	120460	460	4.40	50	22.00	27.00	0.00	1.00
766	Trịnh Thanh	Ngọc	12C 5	C17	120461	148	7.60	50	38.00	12.00	0.00	0.00
767	Nguyễn Ngọc Thảo	Nguyên	12C 5	C17	120477	460	6.40	50	32.00	18.00	0.00	0.00
768	Phạm Bình Khánh	Nguyên	12C 5	C17	120469	148	4.40	50	22.00	28.00	0.00	0.00
769	Lê Đình Uyển	Nhi	12C 5	C17	120502	394	5.60	50	28.00	22.00	0.00	0.00
770	Nguyễn Ngọc Trang	Nhung	12C 5	C18	120515	256	4.80	50	24.00	26.00	0.00	0.00
771	Phan Thị Ánh	Nhung	12C 5	C18	120513	148	5.80	50	29.00	21.00	0.00	0.00
772	Trần Duy	Phát	12C 5	C18	120531	256	7.40	50	37.00	13.00	0.00	0.00
773	Nguyễn Tấn	Phát	12C 5	C18	120532	394	6.80	50	34.00	16.00	0.00	0.00
774	Nguyễn Minh	Phuong	12C 5	C18	120563	256	9.60	50	48.00	2.00	0.00	0.00
775	Phạm Minh	Quân	12C 5	C19	120579	148	4.00	50	20.00	30.00	0.00	0.00
776	Trần Nguyễn Trúc	Quỳnh	12C 5	C19	120602	256	5.20	50	26.00	24.00	0.00	0.00
777	Phan Xuân	Quỳnh	12C 5	C19	120604	256	7.60	50	38.00	12.00	0.00	0.00
778	Nguyễn Như	Thanh	12C 5	C20	120674	148	5.60	50	28.00	22.00	0.00	0.00
779	Nguyễn Trần Phương	Thảo	12C 5	C20	120687	460	8.80	50	44.00	6.00	0.00	0.00
780	Nguyễn Hoàng Bảo	Thư	12C 5	C21	120755	256	4.40	50	22.00	28.00	0.00	0.00
781	Lê Huyền	Thư	12C 5	C22	120756	460	5.40	50	27.00	23.00	0.00	0.00
782	Đỗ Nguyễn Việt	Tiến	12C 5	C20	120637	460	5.40	50	27.00	23.00	0.00	0.00
783	Trần Đan	Tin	12C 5	C20	120638	148	6.40	50	32.00	18.00	0.00	0.00
784	Huỳnh Thị Ngọc	Trinh	12C 5	C23	120835	460	5.20	50	26.00	18.00	0.00	6.00
785	Trần Nguyễn Tuyết	Trinh	12C 5	C23	120840	460	4.00	50	20.00	30.00	0.00	0.00
786	Phạm Nguyễn Anh	Tú	12C 5	C20	120647	148	5.20	50	26.00	24.00	0.00	0.00
787	Nguyễn Phương	Uyên	12C 5	C23	120875	148	6.40	50	32.00	17.00	0.00	1.00
788	Lê Ngọc	Vũ	12C 5	C24	120900	460	4.40	50	22.00	28.00	1.00	0.00
789	Nguyễn Hồ Yến	Vy	12C 5	C24	120936	256	6.80	50	34.00	16.00	0.00	0.00
790	Võ Ngọc Khánh	Vy	12C 5	C24	120918	256	5.40	50	27.00	23.00	0.00	0.00
791	Mai Lê Lan	Anh	12C 6	C10	120023	148	4.80	50	24.00	26.00	0.00	0.00
792	Nguyễn Minh Hải	Đăng	12C 6	C11	120125	394	3.80	50	19.00	31.00	0.00	0.00
793	Lê Ngọc Xuân	Duyên	12C 6	C11	120102	256	6.80	50	34.00	16.00	0.00	0.00
794	Trương Thị	Hân	12C 6	C12	120188	256	8.40	50	42.00	8.00	0.00	0.00
795	Cao Gia	Hưng	12C 6	C14	120259	256	4.60	50	23.00	27.00	0.00	0.00
796	Trần Lê Nhật	Huy	12C 6	C13	120240	460	10.00	50	50.00	0.00	0.00	0.00
797	Đình Xuân	Huyền	12C 6	C13	120252	148	7.60	50	38.00	12.00	0.00	0.00
798	Hoàng Quốc	Khanh	12C 6	C14	120303	460	4.80	50	24.00	26.00	0.00	0.00

STT	Họ và tên		Lớp	Phòng	SBD	Mã đề	Điểm	Tổng số câu	Số câu đúng	Số câu sai	Phạm quy	Không làm
799	Phạm Đăng	Khôi	12C 6	C15	120341	460	9.60	50	48.00	2.00	0.00	0.00
800	Nguyễn Thu Nhật	Lam	12C 6	C15	120353	460	6.20	50	31.00	19.00	0.00	0.00
801	Trần Tự Huệ	Linh	12C 6	C15	120369	256	3.60	50	18.00	32.00	0.00	0.00
802	Ngô Thị Ngọc	Mai	12C 6	C15	120388	256	5.60	50	28.00	22.00	0.00	0.00
803	Phạm Hồng	Ngân	12C 6	C16	120418	460	4.60	50	23.00	27.00	0.00	0.00
804	Nguyễn Thanh	Nhã	12C 6	C17	120484	394	6.40	50	32.00	18.00	0.00	0.00
805	Nguyễn Mai Xuân	Nhiên	12C 6	C17	120512	256	4.60	50	23.00	25.00	0.00	2.00
806	Nguyễn Hoàng Khánh	Như	12C 6	C18	120519	394	5.20	50	26.00	24.00	0.00	0.00
807	Nguyễn Anh	Quân	12C 6	C18	120574	394	5.40	50	27.00	23.00	0.00	0.00
808	Phạm Phú	Quang	12C 6	C18	120570	148	7.40	50	37.00	13.00	0.00	0.00
809	Trần Thị Diễm	Quỳnh	12C 6	C19	120594	256	4.60	50	23.00	26.00	0.00	1.00
810	Võ Huỳnh Duy	Thái	12C 6	C20	120670	256	8.00	50	40.00	10.00	0.00	0.00
811	Trần Văn	Thắng	12C 6	C21	120698	460	4.00	50	20.00	30.00	0.00	0.00
812	Phạm Hồng	Thi	12C 6	C21	120703	460	3.40	50	17.00	32.00	0.00	1.00
813	Nguyễn Hồ Quốc	Thịnh	12C 6	C21	120727	394	6.20	50	31.00	19.00	0.00	0.00
814	Trương Tổ	Thư	12C 6	C22	120764	394	4.80	50	24.00	26.00	0.00	0.00
815	Nguyễn Thị Minh	Thư	12C 6	C22	120763	256	8.40	50	42.00	8.00	0.00	0.00
816	Trần Ngọc Ka	Thy	12C 6	C22	120776	394	7.60	50	38.00	12.00	0.00	0.00
817	Đặng Quang	Tính	12C 6	C20	120641	460	5.60	50	28.00	21.00	0.00	1.00
818	Nguyễn Trần Quỳnh	Trâm	12C 6	C22	120811	148	3.20	50	16.00	34.00	0.00	0.00
819	Trương Thị Ngọc	Trâm	12C 6	C22	120808	394	3.20	50	16.00	34.00	0.00	0.00
820	Hoàng Huyền	Trang	12C 6	C22	120786	394	7.00	50	35.00	15.00	0.00	0.00
821	Bùi Lê Nhật	Trình	12C 6	C23	120836	148	6.20	50	31.00	19.00	0.00	0.00
822	Lê Quang	Trình	12C 6	C23	120842	256	6.80	50	34.00	16.00	0.00	0.00
823	Huỳnh Gia	Tuân	12C 6	C20	120653	256	7.60	50	38.00	12.00	0.00	0.00
824	Trương Khánh	Tuyên	12C 6	C20	120658	256	9.00	50	45.00	5.00	0.00	0.00
825	Lê Thị Bích	Tuyền	12C 6	C20	120659	394	8.20	50	41.00	9.00	0.00	0.00
826	Lê Gia	Vy	12C 6	C24	120912	460	4.40	50	22.00	28.00	0.00	0.00
827	Trần Lê	Vy	12C 6	C24	120923	256	3.00	50	15.00	35.00	0.00	0.00
828	Lục Nguyễn Khánh	Vy	12C 6	C24	120919	394	5.80	50	29.00	21.00	0.00	0.00
829	Huỳnh Thị Kim	Yến	12C 6	B1	120953	148	7.80	50	39.00	11.00	0.00	0.00
830	Đặng Hoàng Hải	Yến	12C 6	B1	120950	256	5.80	50	29.00	21.00	0.00	0.00
831	Nguyễn Hoàng Quỳnh	Anh	12C 7	C10	120034	394	4.40	50	22.00	25.00	0.00	3.00
832	Lê Ngọc Quỳnh	Anh	12C 7	C10	120033	256	2.80	50	14.00	36.00	0.00	0.00
833	Phạm Vũ	Đặng	12C 7	C12	120127	148	8.80	50	44.00	6.00	0.00	0.00
834	Trương Thị Cẩm	Duyên	12C 7	C11	120095	256	6.40	50	32.00	18.00	0.00	0.00
835	Bùi Hoàng Vi	Hân	12C 7	C12	120189	394	8.80	50	44.00	6.00	0.00	0.00
836	Quách Ngọc	Hân	12C 7	C12	120185	394	5.40	50	27.00	23.00	0.00	0.00
837	Nguyễn Minh	Hân	12C 7	C12	120182	394	5.40	50	27.00	23.00	0.00	0.00
838	Phạm Thanh	Hương	12C 7	C14	120269	256	8.00	50	40.00	10.00	0.00	0.00
839	Trần Minh	Huy	12C 7	C13	120237	256	5.40	50	27.00	22.00	0.00	1.00
840	Trương Ngọc Bảo	Huyền	12C 7	C13	120250	460	6.80	50	34.00	16.00	0.00	0.00
841	Lý Gia	Khánh	12C 7	C14	120306	148	6.80	50	34.00	15.00	0.00	1.00
842	Nguyễn Hoàng	Kim	12C 7	C14	120279	394	5.40	50	27.00	23.00	0.00	0.00
843	Lê Hoài Trúc	Lâm	12C 7	C15	120359	256	5.00	50	25.00	25.00	0.00	0.00
844	Lê Võ Thanh	Ngân	12C 7	C16	120428	394	5.40	50	27.00	23.00	0.00	0.00
845	Trần Thị Hoài	Ngân	12C 7	C16	120417	148	8.80	50	44.00	6.00	0.00	0.00

STT	Họ và tên		Lớp	Phòng	SBD	Mã đề	Điểm	Tổng số câu	Số câu đúng	Số câu sai	Phạm quy	Không làm
846	Hà Ngọc	Nhã	12C 7	C17	120483	394	5.40	50	27.00	23.00	0.00	0.00
847	Tôn Nữ Nhật	Nhiên	12C 7	C17	120511	394	8.20	50	41.00	9.00	0.00	0.00
848	Nguyễn Hùng	Phong	12C 7	C18	120534	460	5.20	50	26.00	24.00	0.00	0.00
849	Nguyễn Huỳnh Hữu	Phúc	12C 7	C18	120552	256	7.00	50	35.00	15.00	0.00	0.00
850	Chung Khả Phương	Phương	12C 7	C18	120565	460	5.00	50	25.00	25.00	0.00	0.00
851	Trương Lam	Phương	12C 7	C18	120561	148	3.40	50	17.00	33.00	0.00	0.00
852	Đinh Lê Hoàng	Quốc	12C 7	C19	120584	460	8.00	50	40.00	10.00	0.00	0.00
853	Nguyễn Mai Nhật	Quỳnh	12C 7	C19	120597	394	8.40	50	42.00	8.00	0.00	0.00
854	Bùi Thị Ngọc	Sen	12C 7	C19	120610	394	3.00	50	15.00	35.00	0.00	0.00
855	Nguyễn Bích	Thảo	12C 7	C20	120682	148	8.20	50	41.00	9.00	0.00	0.00
856	Phạm Ngọc Anh	Thị	12C 7	C21	120701	148	5.40	50	27.00	23.00	0.00	0.00
857	Phan Nguyễn Ngọc	Thịnh	12C 7	C21	120725	256	5.80	50	29.00	21.00	0.00	0.00
858	Trần Võ Như	Thịnh	12C 7	C21	120726	394	5.00	50	25.00	25.00	0.00	0.00
859	Trần Gia Anh	Thư	12C 7	C21	120753	394	3.80	50	19.00	31.00	0.00	0.00
860	Trần Thị Thanh	Thủy	12C 7	C21	120745	394	5.60	50	28.00	22.00	0.00	0.00
861	Đoàn Công	Tiến	12C 7	C20	120634	148	5.20	50	26.00	24.00	1.00	0.00
862	Nguyễn Ngọc	Trâm	12C 7	C22	120809	256	7.80	50	39.00	11.00	0.00	0.00
863	Phạm Thị Mỹ	Trâm	12C 7	C22	120805	460	7.00	50	35.00	15.00	0.00	0.00
864	Nguyễn Lê Thùy	Trang	12C 7	C22	120794	148	7.20	50	36.00	14.00	0.00	0.00
865	Bùi Thanh	Tuấn	12C 7	C20	120655	394	9.20	50	46.00	4.00	0.00	0.00
866	Trần Gia Cát	Tường	12C 7	C20	120665	256	7.60	50	38.00	12.00	0.00	0.00
867	Trần Ngọc Linh	Uyên	12C 7	C23	120866	394	5.60	50	28.00	22.00	0.00	0.00
868	Lê Quỳnh	Uyên	12C 7	C23	120877	148	5.00	50	25.00	25.00	0.00	0.00
869	Nguyễn Hoàng Li	Va	12C 7	C23	120884	148	4.60	50	23.00	27.00	0.00	0.00
870	Lê Hà	Vy	12C 7	C24	120914	460	3.00	50	15.00	35.00	0.00	0.00
871	Võ Nguyễn Tường	Vy	12C 7	C24	120928	394	8.20	50	41.00	9.00	0.00	0.00
872	Nguyễn Vũ Trâm	Anh	12C 8	C10	120038	256	4.00	50	20.00	30.00	0.00	0.00
873	Nguyễn Cao Phương	Anh	12C 8	C10	120031	256	6.60	50	33.00	17.00	0.00	0.00
874	Lê Hoàng Quốc	Bảo	12C 8	C10	120055	394	6.00	50	30.00	20.00	0.00	0.00
875	Phạm Hoàng Linh	Đan	12C 8	C11	120106	394	8.20	50	41.00	9.00	0.00	0.00
876	Nguyễn Bảo	Đăng	12C 8	C11	120118	394	4.20	50	21.00	29.00	0.00	0.00
877	Châu Thái Ngọc	Diệp	12C 8	C11	120078	460	6.00	50	30.00	20.00	0.00	0.00
878	Trịnh Thị Huyền	Diệu	12C 8	C11	120080	148	9.40	50	47.00	3.00	0.00	0.00
879	Trần Trường	Duy	12C 8	C11	120093	256	5.20	50	26.00	24.00	0.00	0.00
880	Lê Thị Thảo	Duyên	12C 8	C11	120098	394	7.40	50	37.00	13.00	0.00	0.00
881	Huỳnh Kim	Hân	12C 8	C12	120180	256	5.60	50	28.00	22.00	0.00	0.00
882	Phạm Thị	Hậu	12C 8	C12	120193	256	5.20	50	26.00	24.00	0.00	0.00
883	Lương Thanh	Huy	12C 8	C13	120247	256	8.40	50	42.00	8.00	0.00	0.00
884	Nguyễn Đỗ Hạ	Huyền	12C 8	C13	120251	394	8.00	50	40.00	10.00	0.00	0.00
885	Hoàng	Huynh	12C 8	C14	120256	394	8.20	50	41.00	9.00	0.00	0.00
886	Phan Trần Nguyên	Khang	12C 8	C14	120293	460	7.20	50	36.00	14.00	0.00	0.00
887	Nguyễn Ngọc Thanh	Lam	12C 8	C15	120355	148	3.20	50	16.00	34.00	0.00	0.00
888	Phan Duy	Linh	12C 8	C15	120366	394	6.40	50	32.00	18.00	0.00	0.00
889	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Mai	12C 8	C16	120389	460	1.80	50	9.00	41.00	0.00	0.00
890	Nguyễn Trần Thanh	Ngân	12C 8	C16	120429	256	8.40	50	42.00	8.00	0.00	0.00
891	Trần Nguyên	Nghĩa	12C 8	C16	120441	256	7.00	50	35.00	15.00	0.00	0.00
892	Phan Công	Nguyên	12C 8	C17	120464	148	6.60	50	33.00	15.00	0.00	2.00

STT	Họ và tên		Lớp	Phòng	SBD	Mã đề	Điểm	Tổng số câu	Số câu đúng	Số câu sai	Phạm quy	Không làm
893	Trần Uyên	Nhi	12C 8	C17	120503	394	4.00	50	20.00	30.00	0.00	0.00
894	Nguyễn Phong	Phú	12C 8	C18	120539	256	5.60	50	28.00	22.00	0.00	0.00
895	Nguyễn Nhất Nam	Phuong	12C 8	C18	120564	394	8.20	50	41.00	9.00	0.00	0.00
896	Đỗ Khánh	Phuong	12C 8	C18	120560	460	6.00	50	30.00	20.00	0.00	0.00
897	Lê Bảo	Quốc	12C 8	C19	120582	394	4.00	50	20.00	29.00	0.00	1.00
898	Phạm Như	Quỳnh	12C 8	C19	120600	460	2.60	50	13.00	37.00	0.00	0.00
899	Bùi Tấn	Thành	12C 8	C20	120681	460	6.20	50	31.00	19.00	0.00	0.00
900	Lê Huỳnh Anh	Thi	12C 8	C21	120702	148	7.80	50	39.00	11.00	0.00	0.00
901	Lê Đăng	Thịnh	12C 8	C21	120718	460	9.20	50	46.00	4.00	0.00	0.00
902	Nguyễn Quảng Thanh	Thư	12C 8	C22	120769	148	7.80	50	39.00	11.00	0.00	0.00
903	Nguyễn Võ Thiện	Thy	12C 8	C22	120779	148	5.60	50	28.00	22.00	0.00	0.00
904	Đoàn Bích	Trâm	12C 8	C22	120801	148	6.80	50	34.00	16.00	0.00	0.00
905	Phạm Thị Ánh	Trang	12C 8	C22	120782	256	4.60	50	23.00	27.00	0.00	0.00
906	Nguyễn Đình Kiều	Trình	12C 8	C23	120832	148	6.40	50	32.00	18.00	0.00	0.00
907	Trần Duy	Tường	12C 8	C20	120666	394	9.20	50	46.00	4.00	0.00	0.00
908	Phạm Thị Nhung	Tuyền	12C 8	C20	120661	394	8.20	50	41.00	9.00	0.00	0.00
909	Lê Thị Phương	Uyên	12C 8	C23	120876	460	3.20	50	16.00	34.00	0.00	0.00
910	Lê Khánh	Vy	12C 8	C24	120920	394	5.20	50	26.00	24.00	0.00	0.00
911	Phạm Thị Trúc	Xanh	12C 8	C24	120938	394	4.60	50	23.00	27.00	0.00	0.00
912	Nguyễn Quỳnh	Anh	12C 9	C10	120035	394	8.40	50	42.00	8.00	0.00	0.00
913	Huỳnh Thùy Hồng	Anh	12C 9	C10	120017	460	7.80	50	39.00	11.00	0.00	0.00
914	Nguyễn Hải	Bình	12C 9	C10	120060	394	9.60	50	48.00	2.00	0.00	0.00
915	An	Bình	12C 9	C10	120059	256	9.60	50	48.00	2.00	0.00	0.00
916	Mai Ngọc Khương	Dân	12C 9	C11	120076	460	6.80	50	34.00	16.00	0.00	0.00
917	Nguyễn Quách Khả	Doanh	12C 9	C11	120081	148	5.80	50	29.00	21.00	0.00	0.00
918	Đặng Thị Mỹ	Dung	12C 9	C11	120084	460	5.60	50	28.00	22.00	0.00	0.00
919	Trần Thị Thùy	Giang	12C 9	C12	120136	460	4.60	50	23.00	27.00	0.00	0.00
920	Đặng Vũ Khánh	Hà	12C 9	C12	120144	148	5.80	50	29.00	21.00	0.00	0.00
921	Phạm Lê Gia	Hân	12C 9	C12	120179	394	6.60	50	33.00	17.00	0.00	0.00
922	Nguyễn Minh	Hiếu	12C 9	C13	120207	394	5.60	50	28.00	22.00	0.00	0.00
923	Bành Tiến	Hung	12C 9	C14	120264	394	6.00	50	30.00	20.00	0.00	0.00
924	Trần Ngọc	Hung	12C 9	C14	120261	394	4.40	50	22.00	28.00	0.00	0.00
925	Nguyễn Khánh	Huy	12C 9	C13	120235	148	8.00	50	40.00	10.00	0.00	0.00
926	Trần Phương	Linh	12C 9	C15	120375	256	4.00	50	20.00	30.00	0.00	0.00
927	Nguyễn Phương	My	12C 9	C16	120403	460	4.40	50	22.00	28.00	0.00	0.00
928	Nguyễn Lê Phương	My	12C 9	C16	120404	148	7.20	50	36.00	14.00	0.00	0.00
929	Nguyễn Thị Kim	Ngân	12C 9	C16	120420	256	5.40	50	27.00	23.00	0.00	0.00
930	Nguyễn Trúc	Ngân	12C 9	C16	120432	256	5.00	50	25.00	25.00	0.00	0.00
931	Nguyễn Bảo	Ngân	12C 9	C16	120416	148	4.60	50	23.00	27.00	0.00	0.00
932	Trần Thanh Hà	Nguyên	12C 9	C17	120467	460	4.80	50	24.00	26.00	0.00	0.00
933	Lê Thiên	Phú	12C 9	C18	120542	460	5.60	50	28.00	19.00	0.00	3.00
934	Võ Như	Phúc	12C 9	C18	120553	394	5.40	50	27.00	23.00	0.00	0.00
935	Nguyễn Xuân Khánh	Quỳnh	12C 9	C19	120596	148	3.80	50	19.00	31.00	0.00	0.00
936	Trình Lâm	Son	12C 9	C19	120613	148	4.60	50	23.00	27.00	0.00	0.00
937	Nguyễn Minh	Thịnh	12C 9	C21	120722	148	8.00	50	40.00	10.00	0.00	0.00
938	Phan Đan	Tiên	12C 9	C19	120627	148	6.20	50	31.00	19.00	0.00	0.00
939	Huỳnh Nhật	Tiên	12C 9	C19	120630	460	7.00	50	35.00	15.00	0.00	0.00

STT	Họ và tên		Lớp	Phòng	SBD	Mã đề	Điểm	Tổng số câu	Số câu đúng	Số câu sai	Phạm quy	Không làm
940	Nguyễn Thùy	Trâm	12C 9	C22	120812	460	5.00	50	25.00	25.00	0.00	0.00
941	Nguyễn Thị Thùy	Trang	12C 9	C22	120795	460	4.80	50	24.00	26.00	0.00	0.00
942	Cao Thùy	Trinh	12C 9	C23	120841	394	5.80	50	29.00	21.00	0.00	0.00
943	Nguyễn Thị Thái	Trường	12C 9	C23	120861	256	3.00	50	15.00	35.00	0.00	0.00
944	Nguyễn Thùy	Vân	12C 9	C24	120890	148	4.40	50	22.00	25.00	0.00	3.00
945	Nguyễn Thị Bích	Viên	12C 9	C24	120893	460	3.80	50	19.00	30.00	0.00	1.00
946	Phạm Quốc	Việt	12C 9	C24	120894	460	7.60	50	38.00	12.00	0.00	0.00
947	Hoàng Diệu	Vy	12C 9	C24	120911	148	7.00	50	35.00	15.00	0.00	0.00
948	Đinh Ngọc Thảo	Vy	12C 9	C24	120931	256	8.40	50	42.00	8.00	0.00	0.00
949	Đặng Thùy Khánh	Vy	12C 9	C24	120921	256	4.80	50	24.00	23.00	0.00	3.00
950	Trần Phạm Như	Ý	12C 9	B1	120948	460	9.80	50	49.00	1.00	0.00	0.00

DANH SÁCH HỌC SINH VẮNG					
STT	Họ và tên		Lớp	Phòng	SBD
1	Nguyễn Hải	Anh	12A 8	A1	120015
2	Lê Thị Thanh	Liên	12C 4	C15	120361
3	Dương Nguyễn Đức	Linh	12C 4	C15	120367

Phan Thiết, ngày 16 tháng 3 năm 2024

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Phạm Triệu